PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 3
(PHẦN THƯỢNG)

CHUYỂN PHÁP LUÂN (GỒM 5 THỜI)

Lời tựa: Nói Pháp độ người là yếu chỉ lớn của việc Như Lai ra đời. Người có Lợi - Độn, pháp có Đốn - Tiệm, cho nên ai nấy nghe pháp đều được ngộ nhập. Cũng như vua thầy thuốc theo bệnh cho thuốc, thuốc ứng hợp cơ nghi thì mọi bệnh đều hết. Lời Sớ chẳng nói thế sao? Nay trước sau Phật chuyển đủ năm vị pháp luân. Chuyển pháp này để độ tâm người khác khiến đều được ngộ. Đây là ý nghĩa của việc chuyển pháp luân vậy.

Như Lai chuyển pháp luân, một đời năm thời gồm có tám giáo.

Chuyển pháp luân: Luân, nghĩa là lăn nghiên nát. Như Lai nói pháp để chuyển hóa tâm người, đối với pháp rất tự tại như Luân vương vận chuyển xe báu vô ngại. Lại như tam luân khó nghĩ bàn của Như Lai là thân luân thì hiện khắp, Khẩu luân thì thuyết pháp, Ý luân thì xét Cơ, hay vì chúng sinh cán nát tất cả hoặc lụy. Pháp Uyển nói rằng: Luân vương có hai thứ về Tài luân vương thì có bốn bậc là:

1. Kim luân có ngàn căm hóa độ khắp bốn châu, khi con người sống tám vạn tuổi ở kiếp trụ thì ra đời.

2. Ngân luân có bảy trăm năm mươi căm, hóa độ ba cõi thiên hạ trừ Bắc châu.

3. Đồng luân có năm trăm căm, hóa độ hai châu Đông và Nam.

4. Thiết luân có hai trăm năm mươi căm, chỉ hóa độ ở Nam châu, như A-dục vương.

Về pháp luân vương: Nếu tuổi thọ của người giảm còn một trăm năm thì Như Lai ra đời.

Về một đời: Chung chỉ cho tám tướng riêng ở trong năm thời. năm thời lại có chung và riêng. Diệu Huyền nói rằng: Căn cứ vào Bán Mãn của năm vị mà luận về riêng thì có giới hạn riêng. Còn luận về Chung

thì chung cho trước sau. Như Hoa Nghiêm thì chỉ riêng cho thời đầu còn chung thì đến đời sau. Về Lộc uyển thì đã bỏ lệ này mà nói pháp. Nay luận về một đời giáo hóa thì chỉ ở nghĩa riêng.

Luận về năm thời, là nghĩa lấy từ ba kinh. Đó là phẩm Tam Chiếu của Hoa Nghiêm, phẩm Ngũ Vị của Niết-bàn và phẩm Tín Giải của Pháp Hoa. Bốn vị đại đệ tử đã hiểu rõ các văn này. Cho nên văn kinh nói rằng: Bốn đại đệ tử vào sâu ý Phật, hiểu rõ giáo pháp về năm thời của một đời, thứ lớp trước sau. Lời văn ấy nói việc này.

Về tám giáo, thì Diệu Lạc có nói: Hóa nghi bốn giáo là đại cương của phán giáo. Còn Hóa pháp bốn giáo là cương mục của thích nghĩa, vậy nên biết Đốn... là Phán Tạng... là Thích Nghĩa. như xét biết Hoa Nghiêm là Đốn thì lấy Biệt Viên mà giải thích. Cho đến xét Pháp Hoa không phải Đốn cũng không phải Tiệm thì dùng thuần Viên mà giải thích. Đây là phép tắc giải thích kinh của các nhà ngày nay vậy. Diệu lạc lại nói: Nếu làm hao mòn các kinh chỉ dùng Tạng... thì văn ấy út thông. Nếu giải thích Pháp Hoa mà không dùng tám thứ Đốn... nêu ra để ngăn sai lầm. thì các kinh khác chỉ luận về căn cứ thích hợp được ích lợi Cho nên chưa cần phải dùng Đốn... Nếu giải thích Pháp Hoa thì cần phải nói rõ một đời, cho nên phải cần dùng Đốn... để bao quát trước sau. Phụ Hành nói rằng: Tạng... bốn giáo thì gồm thâu tất cả kinh Điển Đại Tiểu thừa, đó là: Nhân quả rõ ràng, các giáo đều lập giáo chủ, khắp độ các cơ trước sau đầy đủ, thì đều không ngoài bốn thứ này. Đốn... bốn giáo chỉ là Lực Bất Tư nghì của Như Lai khắp bày ra hay giấu kín, thừa hay thiếu mà điều đình thuần thục cả mọi căn cơ, vì phá tà lập chánh, dẫn Tiểu thừa về Đại thừa, bỏ thiên bày Viên, hội Quyền về Thật... mà các bộ có năm vị cùng sinh nhau lợi vật vô cùng, đúng lúc xuất hiện hay diệt độ.

Nói năm thời:

1. Thời Hoa nghiêm. Nói đủ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, tên kinh có đủ cả nhân, pháp, dụ. Biệt Hạnh Huyền Ký nói rằng Đại Phương Quảng là pháp, Phật là Xá-na quả nhân, Hoa Nghiêm là dụ, vì dùng các hoa địa nhân làm trang nghiêm quả đức (văn kinh). Kinh này gồm có bảy xứ, chín hội. Hội xứ không phải một, nên lấy đó nêu tên kinh.

2. Thời Lộc uyển: Phụ Hành dẫn Đại Luận nói rằng: Nhân địa của Như Lai xưa là một con Nai chúa. Vua Ba-la-nại vào núi săn bắn, bắt được một nai mẹ đang có mang, sắp đem ra nấu cổ. Nai mẹ bảo nai chúa rằng: "Con mình bị giết oan." Nai chúa bèn đến chỗ vua xin thế

mạng. Vua nói kệ đáp rằng:

Ta là người đầu nai
Ngươi là nai đầu người
Lấy lý mà làm người
Không lấy hình làm người.
Ta bắt đầu từ nay
Không ăn tất cả thịt
Ta tu vô úy thí
Tất khiến ngươi an lòng.

Nơi đó bầy nai ở yên nên gọi là Lộc uyển, cũng gọi là Nại uyển tức đặt tên theo cây. Cũng gọi là Tiên uyển vì có hai vị Tiên ở đấy, đây là do chỗ mà nêu tên đất, mượn tích của nhân hạnh xưa vậy.

3. Thời Phương đẳng: Bốn giáo cùng nói thì gọi là phương, bốn cơ đều đủ thì gọi là đẳng. Đây là từ pháp mà được tên. Y vào bộ mà lập giáo nên Tục Di Ký nói rằng: Tên Phương đẳng có hai ý. Như kinh điển Đại thừa từ lạc mà có sinh tô, vì như Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng. Đây là căn cứ vào thời thứ ba nhắm vào bộ giáo liền có ba thừa bốn giáo khắp các cơ. Nếu như ngài Phổ Hiền nhìn thấy kinh Phương đẳng này bằng mắt của chư Phật, bèn nói thẳng Viên Lý không phải là thời thứ ba (theo văn kinh). Phổ Hiền Phương đẳng chính là nghĩa Phương Quảng bình đẳng. Chỗ các bộ Đại thừa nói về viên lý thì đều gọi là Phương đẳng.

4. Thời Bát-nhã: Hán dịch là Trí Tuệ vì tôn quý nên không dịch, là một trong năm thứ không dịch. Nói đủ là Ma-ha Bát-nhã, đây là đặt tên theo kinh.

5. Thời Pháp hoa Niết-bàn: Cả hai kinh đều nói về khai hiển, đều thuộc vị đề hồ, nên họp thành một thời. Đây là đặt tên theo kinh. Pháp Hoa nói đủ là Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do diệu pháp nên có ba nghĩa là thí, khai, phế, nên lấy liên hoa làm dụ.

Về Niết-bàn thì nói đủ là Ma-ha Bát-niết-bàn Kinh. Hán dịch là Đại Diệt Độ. Đại tức là Pháp thân, Diệt là Giải thoát, Độ là Bát-nhã. Một kinh mà cả trước sau, chỉ nói về ba đức.

Ấy là năm thời. Đặt tên năm thời không ngoài ba nghĩa (dụ, xứ, pháp) như Hoa nghiêm thì từ dụ, còn Lộc uyển thì từ nơi chốn, Phương đẳng, Bát-nhã, Niết-bàn đều từ pháp. Riêng Pháp hoa thì từ pháp và dụ.

Cũng gọi năm vị. Đây có hai nghĩa tương sinh và đậm nhạt. Về tương sinh, Diệu Huyền nói rằng: là sau Đốn đầu tiên, Kế đến đó là

Khai Tiệm. Nên kinh Niết-bàn nói rằng: Từ Phật mà có mười hai bộ loại kinh văn, từ mười hai bộ loại kinh văn mà có Tu-đa-la. Ví như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc... thứ lớp tương sinh nên không lấy đậm nhạt. Lại bảo rằng: Khi nói tiếng sữa thì ý không nằm ở chữ nhạt vì ban đầu là gốc. Nói đậm nhạt thì nghĩa như nói năm vị trong kinh chỉ là dụ năm thời đậm nhạt của một đời thuyết giáo. Dù đậm nhạt khác nhau nhưng đều từ bò mà ra. Nguyên Thảo Đường nói rằng: Tương sinh là dụ cho giáo, còn đậm nhạt là dụ cho cơ. Dụ cho giáo thì có thứ lớp, từ đốn mở ra tiệm, tiệm lại chuyển nhập sâu vào va cuối cùng thì gặp nhau ở Viên. Dụ về Cơ thì có hơn và kém. Trước từ điếc câm bị quở trách đào thải và rốt cục thì đều được thọ ký (theo Văn Kinh). Chỉ có một thứ năm

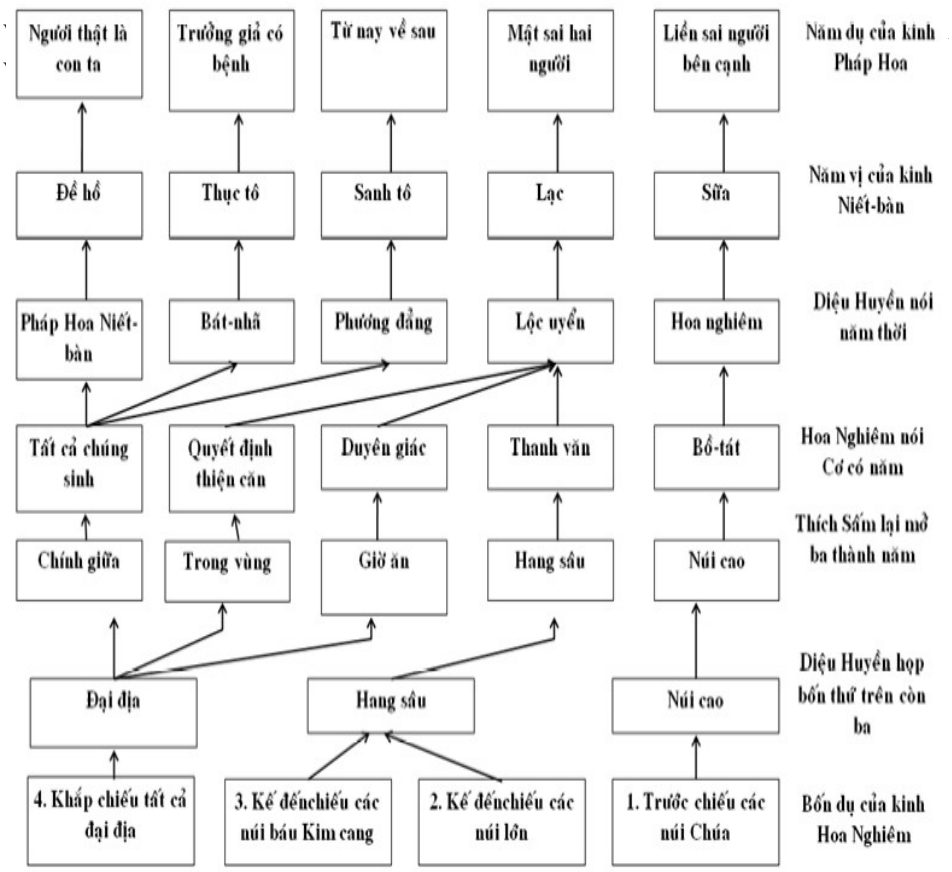

Về phẩm Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm (bản cựu dịch). Ví như mặt trời lúc mới mọc sẽ chiếu trước hết đến các núi chúa, Kế đến đó mới chiếu đến các núi lớn, rồi mới chiếu tới núi báu Kim cang. Sau mới chiếu khắp nơi, chiếu khắp tất cả đại địa mà ánh mặt trời không hề nghĩ rằng ta đang chiếu trước tiên đến các núi chúa rồi lần lượt sẽ chiếu khắp đại địa. Nhưng núi thì có cao thấp, chiếu thì có trước sau. Đức Như Lai cũng như thế. Ngài thành tựu ánh vô lượng sáng trí tuệ, vô biên pháp giới trước chiếu đến hàng Bồ-tát, Kế đến chiếu đến Duyên giác. Kế đến chiếu đến Thanh văn rồi đến hàng chúng sinh quyết định thiện căn tùy ứng hiện mà được giáo hóa (Tam tạng Bồ-tát), cuối cùng mới chiếu đến tất cả chúng sinh... Lại nói rằng ví như mặt trời mặt trăng xuất hiện thì ở thế gian cho đến núi cao hang thẳm không nơi nào không chiếu đến (Văn Diệu Huyền họp núi lớn và núi báu thành hang sâu, như văn đã trích).

Kinh Niết-bàn nói rằng: Khi Đức Phật nói hai mươi lăm thứ Tam-muội, Bồ-tát Vô Cấu Tạng bạch Phật rằng: Như Phật đã nói chư Phật và Bồ-tát thành tựu các công đức trí tuệ trăm ngàn vạn ức thật khó nói hết. Ý con cũng bảo việc đó không bằng kinh này đã sinh ra A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đức Phật nói: Ví như từ bò mà có sữa, từ sữa mà có lạc, từ lạc mà có sinh tô, từ sinh tô mà có thục tô, từ thục tô mà có đề hồ, đề hồ là vị cao nhất. Phật cũng như thế. Từ Phật mà có mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ loại kinh văn mà có chín bộ Tu-đa-la. Từ Tu-đa-la sinh ra Phương đẳng, từ Phương đẳng sinh ra Bát-nhã, từ Bát-nhã sinh ra Niết-bàn. Còn vị đề hồ ví như Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai.

Thích Thiêm nói rằng: Niết-bàn năm vị chuyển biến thật ra chỉ là một chất sữa. Hoa nghiêm ba chiếu không đồng nhau, kỳ thật chỉ là một mặt trời. Nay diễn nói ví dụ bình địa của Hoa nghiêm để đối với Tam-muội. Sau Niết-bàn, số lượng tuy không đồng nhưng nghĩa thì rõ ràng bằng nhau... Lại nói: Hoa nghiêm chỉ nói đất bằng. Nay lấy các ví dụ của Phương đẳng, Bát-nhã, Pháp hoa. Về Phương đẳng như trong giờ ăn, Bát-nhã như ở trong vùng, còn Pháp hoa như ở chính giữa.

Nói về tám giáo, tức đốn, tiệm, bí mật, bất định là hóa nghi còn tạng, thông, biệt, viên là hóa pháp. Đó là tám giáo. Hóa nghi thì như toa thuốc còn hóa pháp thì là vị thuốc.

Nói giáo, có nghĩa trình bày lý lẽ để độ người, tức là lời lẽ cũa Thánh nhân hóa độ muôn vật. Về hóa nghi bốn giáo là cách thức hóa độ của Như Lai, nên dụ như toa thuốc. Còn hóa pháp bốn giáo là pháp cứu độ để trừ bệnh cho chúng sinh, nên dụ như vị thuốc. Nghĩa lý căn

bản của hóa nghi bốn giáo chỉ là tạng, thông, biệt, viên. Tuy gọi chung là giáo kỳ thật không có thể riêng.

Dẫn văn làm chứng về tám giáo. Trước hết là hóa nghi bốn giáo.

Như kinh Hoa Nghiêm: Khi mới phát tâm bèn thành Chánh giác. Diệu Huyền nói: "Như mặt trời mới mọc trước chiếu núi cao." Đây là như duyên Hoa Nghiêm mà được ích lợi lớn gọi là Đốn giáo tướng. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng: Từ một đạo thanh tịnh mà lập ra hai, ba, bốn thứ Diệu Tạng. Kế đến chiếu vào các hang sâu, đây như Tam tạng. Kế đến chiếu khắp đất bằng, đây như Phương đẳng, Bát-nhã đều là Tiệm giáo tướng. Kinh Đại thừa có lúc nói sâu, có lúc nói cạn. Còn kinh Tịnh Danh nói: "Phật chỉ dùng một thứ tiếng mà mọi chúng sinh đều hiểu. Đấy là Bất định giáo. Trong Đại Phẩm nói: "Ta thấy ở cõi Diêm-phù-đề chuyển luân lần thứ hai. Đại Luận nói rằng: "Chuyển luân bây giờ cũng giống như chuyển pháp luân lúc đầu." Đấy là Bí mật giáo.

Kế đến là hóa pháp bốn giáo: Diệu Huyền dẫn Trường A-hàm nói rằng: "Phật nói bốn đại giáo." Thiêm nói rằng: "Chỉ có bốn, ngoài ra thì là tạng... Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: Bốn thứ Tu-đa-la, trong đó có bốn thứ trí đoạn trừ vô minh." Ngài Chương An riêng giải thích để đối với bốn giáo. Thiêm nói: Nghĩa rất tương ứng với bốn giáo. Song đây là căn cứ theo nghĩa để đối nhau, chưa thấy nói mục đích lập tên. Nay căn cứ vào bốn giáo nghĩa dẫn kinh Pháp Hoa nói rằng: Kẻ ham thích học ba tạng Tiểu thừa tạo ra luận, nay chính ta muốn luận về thật nghĩa của Tam tạng, thì đây đều là danh nghĩa của tạng giáo. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Vì nói Tu-đa-la đầy đủ. Đại Phẩm nói rằng: "Muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết tất cả pháp thì phải học Bát-nhã." Kinh Pháp Hoa là lấy bình đẳng đại tuệ vì đại chúng mà nói, các điều nói ra đều là chân thật. Còn kinh Niết-bàn thì có một hạnh gọi là hạnh Như Lai, đó là Đại Bát-niết-bàn. Đại Luận nói: "Ba trí, kỳ thật chỉ có một tâm mà được... thì đều là danh nghĩa của viên giáo cả."

Về văn, chỉ có hai tên thông biệt nhưng ở khắp các văn, là chỗ lập nghĩa của Đại sư. Như bốn giáo nghĩa dẫn Đại phẩm nói rằng: Cả ba thừa đều có được trí Tát-bà-nhã, cả ba thừa cũng đều được thật tướng của các pháp trong Trung luận. Đây đều là nghĩa của Thông giáo. Thông tức là đồng vậy. Cả ba thừa đều thọ học nên gọi là Thông.

Kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng: Ma-ha Bát-nhã và biển không của Hoa nghiêm đều tuyên nói Bồ-tát tu hành trải nhiều kiếp. Còn kinh Niết-bàn nói rõ về năm hạnh. Và Đại luận thì không cùng với Bát-nhã đoạn trừ các biệt hoặc... Đây đều là nghĩa của Biệt giáo. Biệt nghĩa là

tên của Bất cộng.

Về danh nghĩa của tám giáo, nói thẳng là đối với Đại thừa thì các bộ ở thời đầu gọi là Đốn, những trung gian Tam-muội dẫn Tiểu thừa hướng đến Đại thừa nên gọi là Tiệm. Một tiếng mà hiểu khác, không hiểu được lẫn nhau nên gọi là Bí mật. Nghe Tiểu thừa mà chứng Đại thừa, nghe Đại thừa mà chứng Tiểu thừa nên gọi là Bất định. Cả ba thứ kinh, luật, luận đều chứa pháp nghĩa nên gọi là Tam tạng. Cả ba thừa cùng tu mà Bồ-tát lợi căn thông Biệt thông Viên nên gọi là thông. Pháp của riêng Bồ-tát thứ lớp đoạn trừ và chứng đạo, khác với Tạng Thông ở trước và Viên giáo ở sau nên gọi là Biệt. Khi giáo, lý, trí, đoạn, hạnh vị nhân quả tất cả đều viên dung nên gọi là Viên.

Xem bản đồ về bốn giáo đối gặp năm thời (ở dưới)

Diệu Huyền giải thích về "Như thị ngã văn" nói rằng: Nếu như Thị không phải vượt bỏ tám thứ thì làm sao lại được nghe kinh này (văn kinh), đây phải lấy bộ giáo mà phân định, căn cứ vào bộ thì không phải là Viên bao gồm hết, nên vượt bỏ tám giáo. Nếu chỉ căn cứ vào Giáo thì nghĩa của Viên xưa nay lại không có hai thứ. Cho nên Thiêm nói rằng: Viên giáo trong tám giáo. Còn mang theo cái thiên mà nói Viên thì cũng thuộc về Tiệm. Nay Viên của Pháp hoa thì mở Thiên làm sáng tỏ Viên, ngoài Viên không có pháp nào khác.

Đốn giáo đầu tiên, tức là thời Hoa nghiêm thứ nhất theo bộ, thời, vị mà có tên là Đốn. Đây gọi là Như Lai mới thành Chánh giác ở đạo tràng tịch diệt, bốn mươi mốt vị Pháp thân đại sĩ và hàng Thiên long bát bộ đã thành thục từ đời trước... cùng lúc đồng vây quanh như mây bao phủ trăng. Lúc đó Như Lai hiện thân Lô-xá-na nói Tu-đa-la viên mãn, nên gọi là Đốn giáo.

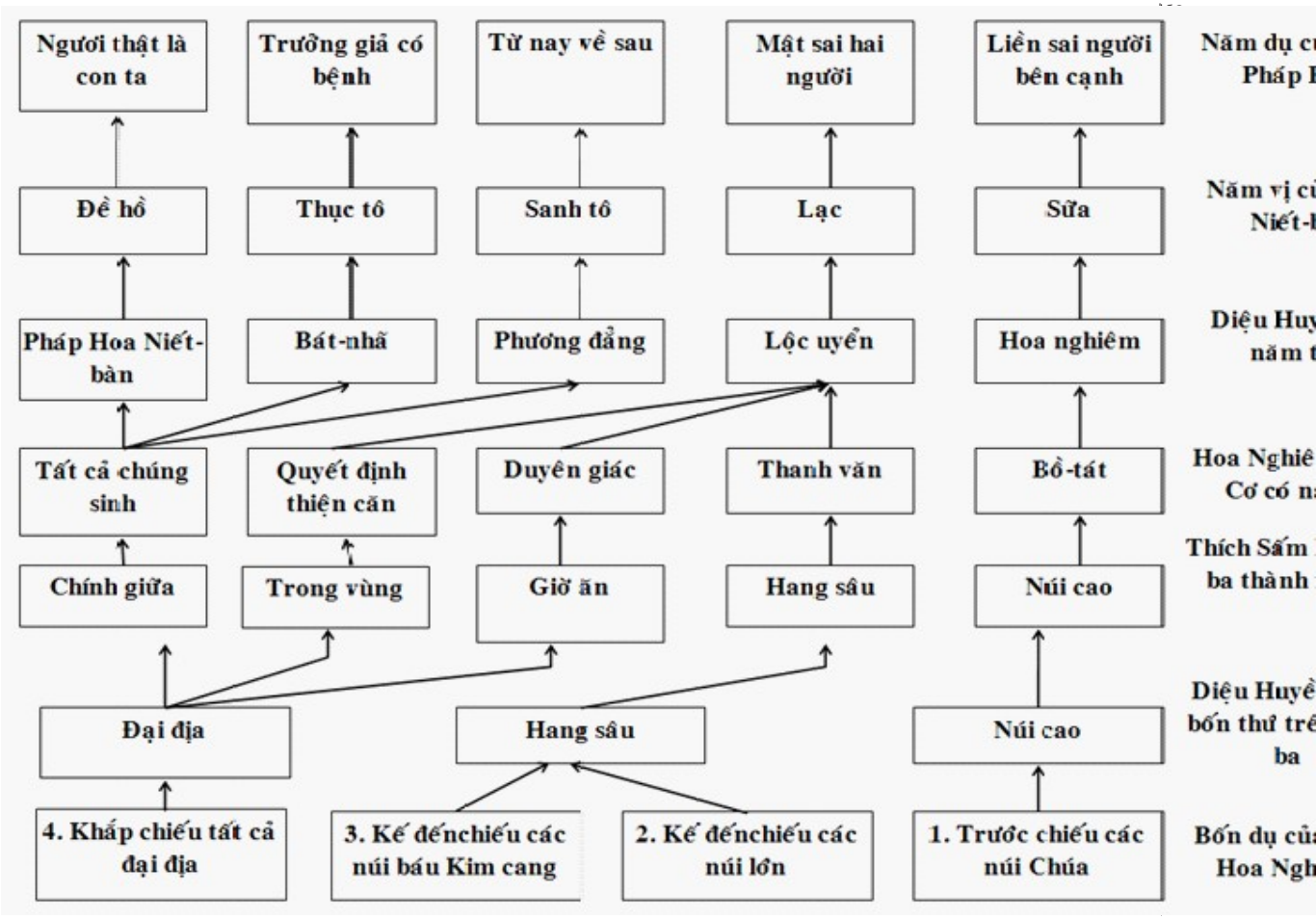
Người thật là con ta
Trưởng giả có bệnh
Từ nay về sau
Mật sai hai người
Liền sai người bên cạnh
Năm dụ c
Pháp
Đề hồ
Thục tô
Sanh tô
Lạc
Sữa
Năm vị c
Niết-
Pháp Hoa Niết-bàn
Bát-nhã
Phương đẳng
Lộc uyển
Hoa nghiêm
Diệu Huy
năm t
Tất cả chúng sinh
Quyết định thiện căn
Duyên giác
Thanh văn
Bồ-tát
Hoa Nghiê
Cơ có n
Chính giữa
Trong vùng
Giờ ăn
Hang sâu
Núi cao
Thích Sấm
ba thành
Đại địa
Hang sâu
Núi cao
Diệu Huyề
bốn thử trê
ba
4. Khắp chiếu tất cả đại địa
3. Kế đếnchiếu các núi báu Kim cang
2. Kế đếnchiếu các núi lớn
1. Trước chiếu các núi Chúa
Bốn dụ củ
Hoa Ngh

Đốn giáo thì có hai nghĩa ước theo bộ theo giáo: Nếu theo bộ thì riêng ở thời Hoa Nghiêm, còn theo giáo thì chung cả các thời khác. Nay chính là theo Bộ mà nói về Đốn giáo. Đốn là đối với ba thứ tiệm, hóa, nghi ở dưới mà nói. Đoạn văn dưới nói rằng: Từ bộ, thời, vị mà có tên là Đốn vậy. Hoa Nghiêm là bộ, chiếu trước là thời, sữa là vị, hợp ba nghĩa này là bộ, thời, vị, là phân biệt với các thời khác. Về thời Lộc uyển sau đó thì cũng có thể nói từ bộ, thời, vị mà có tên là Tiệm đầu tiên. Từ đây về sau theo lệ này.

Mới thành Chánh giác, đây là căn cứ vào Tích của Đại thừa đầu tiên mà nói, không phải là Bản của lúc mới thành.

Đạo tràng tịch diệt, tức Tịch năm trụ phiền não và diệt hai thứ sinh tử, kiến hoặc có một trụ, tư hoặc phân làm ba và trần sa họp với vô minh làm một trụ, là phần đoạn sinh tử ở cõi đồng cư. Mà biết dịch sang tử ở cõi Phương tiện thật báo. Đạo tràng chứng đắc cũng như chỗ sàng sải lúa thóc ở đời, trừ bỏ vỏ thóc năm trụ để được hạt gạo thật tướng. Những kinh mới dịch thì Bồ-đề đạo tràng có tên khác nhau mà nghĩa đồng.

Về bốn mươi mốt vị, thì Diệu Huyền nói rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói ba mươi tâm và mười Địa cùng Phật địa nữa là bốn mươi mốt vị. Vì phá vô minh mà hiển bày Lý trung đạo pháp tánh, nên gọi là Pháp thân. Pháp thân có hai nghĩa:

1. Tỳ-lô-giá-na thì gọi là tánh đức Pháp thân.

2. Phá từng phần vô minh để đạt đến chỗ rốt ráo thì gọi là tu đức Pháp thân.

Nay theo văn này là nghĩa tu, gồm cả tánh và đức. Kinh Bốn Niệm Xứ nói: Hoa Nghiêm là trước đó không có thập tín và sau đó không có đẳng giác. Ngọc Tuệ Giác nói: Không thể đem vị ở trong bộ mà vấn nạn về chúng của kinh Hoa Nghiêm này. Bởi kinh Hoa Nghiêm các vị đều nói đến mười, cho nên ghép Đẳng giác vào Thập địa. Quang Minh Ký nói: Hoa Nghiêm không nêu Đẳng giác vì Thập địa là Đẳng giác vậy. Nay nói kinh này nêu bày các chúng nên mới có Đẳng giác. Nếu trước đó không có thập tín, tức Hoa Nghiêm đã nói về mười phạm hạnh thì đó là Thập tín rồi. Cho nên bốn giáo nghĩa nói rằng: Mười thứ phạm hạnh thì đồng với thập tín của Viên giáo. Nay văn kinh chỉ nói Pháp thân đại sĩ nên không cần phải nêu thập tín nữa.

Về Thiên long bát bộ đã thành thục từ đời trước, tức các kinh khi giới thiệu chúng thì có nói đến các rồng... nên dùng Niết-bàn bốn cú mà liệu giản thì có:

1. Thừa gấp mà giới chậm, là bốn thú nghe pháp mà ngộ đạo.

2. Giới gấp mà thừa chậm, là kẻ ham thích quả báo ở hàng trời người mà không nghe pháp.

3. Thừa giới đều gấp, là hàng thiên nhân nghe pháp mà được đạo.

4. Thừa giới đều chậm, là bốn thú không nghe pháp.

Chúng này đều là đã được nghe kinh Hoa Nghiêm ở đời trước. Còn kẻ đang gieo trồng hoặc đã thành thục là những chúng được giải thoát ở hiện tại và tương lai. Chỉ quán có nói: "Dùng thân ở tam đồ gặp Phật Di-lặc để nghe kinh Hoa Nghiêm" là nghĩa này vậy.

Về tám bộ thì như đã thường nói.

Về Như mây bao phủ trăng, thì như Diệu Huyền nói: Bà con của Pháp thân như mây bao phủ trăng cùng giáng thai mẹ. Đây là dụ cho tướng giáng thai mẹ. Nay bốn giáo nghi lấy dụ về tướng chuyển pháp luân và quyến thuộc, hai nghĩa đều hợp. Mây là dụ cho cơ, còn trăng là dụ cho Giáo chủ. Kinh Nhân Vương nói: Đêm trăng rằm thì tối tan trăng tỏ để dụ cho trí đức Tiệm Viên của Như Lai, các hoặc mờ tối đã dứt hẳn, việc đoạn kết đã thành tựu.

Về Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, dứt hết các ác gọi là tịnh, muôn đức tròn đủ gọi là Mãn, tức là Tự Báo thân vậy. Cũng gọi là sáng suốt chiếu khắp. Như trong Đại Luận có nói: Ánh sáng vô biên, sắc tượng cũng vô biên, thân tôn quý đặc biệt tức là Tha Báo thân. Nay nói về giáo chủ tức là căn cứ vào bốn minh mà lập nghĩa, chính là Đức Thích-ca hiện thân tôn quý ngồi dưới cội cây. Như Giải Báng Dẫn Kinh nói rằng: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn không rời các cội cây mà vẫn bay lên núi Tu-di đến cung điện trời Đế Thích nói pháp. Vậy hội Hoa nghiêm há không phải là một trong trăm ngàn ức Ứng thân của Phật đã nói đó ư?

Về Tu-đa-la, Hán dịch là Khế kinh, vì năng thuyết và Sở thuyết đều khế lý khế cơ. Cũng là tên chung của mười hai bộ kinh. Văn tuy Kiêm và Biệt nhưng ý của Bộ là Viên.

"Nếu theo cơ theo giáo chưa khỏi kiêm cả quyền nghĩa là khi mới phát tâm bèn thành Chánh giác"... Đó là vì Viên cơ mà nói Viên giáo. Các nơi đều nói thứ lớp hàng bố thì là vì Quyền cơ mà nói Biệt giáo. Thế nên theo bộ là Đốn, theo giáo gọi là Kiêm (thấy trong Diệu Huyền nói về Thập và bốn Giáo Nghi).

Phát tâm có ba thứ:

1. Giải hạnh phát tâm, có năm phẩm.

2. Tương tợ phát tâm, tức Thập tín.

3. Chân chứng phát tâm, tức sơ trụ.

Đây là Chân chứng phát tâm, tức là phát tâm lý tánh ba nhân, để chứng từng phần về lý ba đức. Bốn Giáo Nghĩa nói rằng: Hoa Nghiêm nói mới phát tâm bèn thành Chánh giác, tức là phát chân vô lậu, đoạn dứt vô minh mà nhập vào Sơ phẩm. Khởi Tín Luận nói: "Bồ-tát phát tâm ấy tùy theo nguyện lực có thể thấy được tám tướng." Diệu Lạc nói rằng: Hoa Nghiêm và Khởi Tín trình bày lời văn sáng tỏ, sơ trụ, tám tướng... Phổ Hiền, Phổ Nhãn ba thứ không sai khác... Đó đều là văn Viên giáo cả.

Hàng bố là bảy chỗ tám hội, nên nói là mọi nơi. Hàng lối xếp bày có sâu cạn, nên gọi là Hàng bố. Kinh này nói có hai môn Viên dung và Hàng bố. Thích Thiêm nói rằng: Hoa nghiêm hội xứ nói rõ hạnh vị không ngoài Biệt và Viên. Nhưng phần lớn ý kinh đều gồm chứa các nghĩa rất khó phán định. Bắt đầu từ trước Sơ trụ cho đến trước vị Đăng địa thì toàn là nghĩa của Viên. Từ Trụ thứ hai đến trụ thứ bảy thì lời văn thứ lớp lại giống với nghĩa của Biệt. Ở trong bảy trụ đó thì đưa ra từ một đến nhiều tướng tức là tự tại. Kế đến là hướng, hạnh, địa. Lại nghĩa là thứ lớp khác nhau. Lại mỗi mỗi ngôi vị đều có hai môn Phổ Hiền, Hàng bố, cho nên biết là Kiêm dùng Văn Viên mà tiếp dẫn.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Như mặt trời mới mọc, trước chiếu đến các núi cao (Diệu Huyền).

Mặt trời là dụ cho Giáo chủ, còn núi cao là dụ cho các cơ Biệt Viên. Vì Đại cơ muốn thuần thục thì phải nhờ ánh sáng Tuệ của Như Lai chiếu đến.

Kinh Niết-bàn nói: Từ bò mà được sữa là ví từ Đức Phật mà có được mười hai bộ kinh (Diệu Huyền).

Huyền Văn nói: Đại cơ thọ lãnh giáo pháp liền phá vô minh. Còn Hạnh như đề hồ (Văn) thì đây là chỉ cho cơ núi chúa Hoa nghiêm vậy. Niết-bàn nói: Từ bò mà có sữa, đây là căn cứ vào một thời thuyết pháp mà chỉ cho hàng Thanh văn câm điếc. Cho nên Huyền Văn nói rằng: ba giáo phân biệt, tức gọi là Đốn giáo, cũng tức là đề hồ, năm vị phân biệt tức gọi là Nhũ giáo. Nay nói từ bò mà có sữa tức là vị đầu tiên vậy.

Phẩm Tín Giải nói rằng: Liền sai người bên cạnh (Như Lai là chính, Bồ-tát là bên cạnh, tức là Phật gia bị cho bốn vị Bồ-tát nói bốn mươi Địa: Bồ-tát Pháp Tuệ nói Thập trụ, Bồ-tát Công Đức Lâm nói Thập hạnh, Bồ-tát Kim Cang Tràng nói Thập hướng và Bồ-tát Kim Cang Tạng nói Thập địa. Gấp đuổi theo đưa về (đem Đại giáo mà giảng

tắt cho Tiểu cơ nên nói là "gấp đuổi theo". Đại thừa đã có từ xưa nên gọi là "Đưa trở về". Lại tánh đức vốn tự có nên gọi là "Đưa trở về". Kẻ cùng tử kinh ngạc (chợt nghe đại giáo trái ý nên kinh sợ , không biết nên ngạc. Lớn tiếng kêu oan (sinh tử là khổ, phiền não là oan. Vì nghe sinh tử tức Niết-bàn và phiền não tức Bồ-đề liền đau khổ mà lớn tiếng kêu oan). Sứ giả bắt gấp (vì nói cho họ sợ sệt khiến họ bỏ ác, tức là gấp rút). Dùng sức mạnh đem về (bên trong không có cơ bên ngoài lại ép dạy Đại thừa). Kẻ cùng tử tự nghĩ rằng mình vô tội mà bị bắt nhốt ở đây tất là phải chết (chúng sinh vì tội lỗi nên phải đọa vào ngục sinh tử. Bồ-tát cũng đồng tội mà vào ngục. Hàng Tiểu thừa vì không có tâm đại bi nên khi bảo vào sinh tử thì cho là mình bị bắt nhốt cho nên mất hẳn tuệ mạng của cả ba thừa). Càng thêm sợ hãi (vì nghĩ các việc như thế...) chết ngất ngã lăn ra đất (kẻ tiểu trí không hiểu té nằm trên đất vô minh). Người cha từ xa nhìn thấy (kẻ tiểu trí khó biết được đại giáo nên gọi là xa, kết duyên với con nên gọi là nhìn thấy) mà bảo sứ giả rằng (Bồ-tát là sứ giả). Tôi không cần người này (không cần hiện thân tôn quý khiến hàng Nhị thừa thấy được) chớ cưỡng bắt đem về (đã không có đại cơ nên e thương tổn thiện căn). Sứ giả bảo rằng: Nay ta thả ngươi ra (nói không giáo hóa nữa). Người cùng tử vui mừng (vì không còn bị đại giáo câu thúc nữa) bèn đến xóm nghèo để kiếm ăn (chỉ muốn cầu đạo pháp ở Bốnđế. Lời chú văn từ trên đều trích từ Pháp Hoa Văn Cú). Đây nên hiểu nghĩa thế nào? Đây là Như Lai nói giáo môn Viên Đốn, dùng Đại thừa mà dắt dẫn kẻ Tiểu cơ, khiến họ phải chết ngất (kinh Diệu Huyền, quyển mười).

Lời thuật rằng: Hoa nghiêm có ba tên, từ xưa đã có là Tịch trường, Thời trường, Tận vị lai tế và Pháp giới được nêu làm tên thứ tư. Lại phân ba tên trước là thuộc Sự, còn một tên sau là thuộc Lý. Đây đều là nhầm lẫn nhiều đời. Nay dốc lòng luận về nghĩa này thì chỉ có ba tên:

1. Tịch trường. Diệu Huyền dẫn phẩm Phương Tiện nòi rằng đầu tiên ngồi ở đạo tràng hai mươi mốt ngày suy tư là để nói Đức Thích-ca đầu tiên nói về Đốn giáo (từ quyển đầu đến quyển thứ ba mươi sáu là phần trước).

2. Thời trường. Diệu Huyền đã dẫn Pháp Tánh Luận nói về ba chỗ Độn căn nhập pháp giới (từ quyển ba mươi bảy trở đi là phần sau).

3. Tận vị lai tế. Pháp Hoa Văn Cú nói rằng: Ở hội cuối Hoa nghiêm mới mở ra Tiệm giáo. Diệu Lạc nói rằng: Vả đây gởi nhờ một hội thuyết giáo ở cõi Ta-nà là dùng để thông hiểu ý này. Nên biết rằng Hoa nghiêm tận vị lai tế, tức là kinh này luôn ở hội Linh sơn đâu khác, khắp mười

phương mà thay nhau làm chủ và bạn (hai tên trước thấy ở Diệu Huyền, còn một tên sau thấy ở Diệu Lạc) Tuy có đến ba tên nhưng kinh được nói ra không thứ nào không phải là Hoa Nghiêm, về lý được trình bày thì không thứ nào chẳng phải là Pháp giới. Hoặc khi nói về thai mẹ, thì Diệu Huyền nói rằng Đức Phật từ cung trời Đâu-suất giáng sinh thì cùng với cả bà con Pháp thân đều giáng thần vào thai mẹ và ở trong đó ngài luôn nói Diệu Pháp (Văn kinh). Lúc đó chưa chuyển pháp luân, nên phải thuộc vào tướng cõi Thật báo tân vị lai tế.

Về chuyên giáo hóa khắp Đại cơ, có thuyết nói về "Hải Không", Diệu Huyền dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa, Kế đến đó nói về Văn Hải Không của Bát-nhã Hoa Nghiêm. Đây chỉ là nhân của Bát-nhã nhập vào pháp giới được xếp vào thời Trường. Song thai mẹ và hải không không phải riêng có hai tên. Nên xét kỹ.

"Thời trường" chung cả các thời sau. Lời thuật rằng: Lời bình về Thời Trường thông đến ba xứ đó là Pháp môn. Hải Không của Bát-nhã, Phật Tuệ của Pháp Hoa và Tâm Địa của Niết-bàn.

Diệu Huyền dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa nói rằng:

Kế đến nói Bát-nhã trải nhiều kiếp tu hành Hải Không của Hoa Nghiêm, Pháp Hoa hội nhập vào Phật tuệ, tức là thông đến hai kinh (Thích Thiêm nói rằng: Do Bát-nhã mà cũng được tên là Hoa Nghiêm, vì Phật tuệ của Pháp Hoa không khác thời đầu. Lại Diệu Lạc nói rằng: Phải biết rằng nói theo Pháp giới luận thì không đâu không phải là Hoa Nghiêm, nói theo Phật tuệ thì đâu cũng là Pháp Hoa cả). Đây chứng tỏ là thông cả Bát-nhã và Pháp Hoa vậy.

Lại dẫn kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói rằng: "Nay ở trong tòa này ai nấy đều thấy không giống nhau. Hoặc có người thấy Như Lai nhập Niết-bàn, hoặc thấy Báo thân của ngài sinh trong Liên Hoa Tạng Hải nói Pháp môn Tâm Địa cho trăm ngàn vạn ức Thích-ca.

Diệu Huyền lại nói: "Mặt trời nếu có lặn xuống thì cũng còn chiếu sáng trên các đỉnh núi cao." Cho nên Liên Hoa Tạng Hải thông suốt đến sau khi Niết-bàn. Đây là bằng chứng Hoa Nghiêm thông cả Niết-bàn. Lại dẫn Pháp Tánh Luận nói rằng: ba xứ Độn căn nhập vào Pháp giới. Đây là nói việc thông cả ba thời sau, nay lại bàn đến. Diệu Huyền nói rằng: Nhân Bát-nhã mà nhập vào Pháp giới thì tức là Hải Không của Hoa Nghiêm (do trải nhiều kiếp tu học Bát-nhã, nay phát ra Không Trí mà được nhập vào Pháp giới, Quán Hoa Nghiêm Hải Tạng đều là rốt ráo không). Lại nói: Hội Hoa Nghiêm kéo dài, nhưng ngày xưa vì Tiểu cơ chưa được nhập vào nên như câm như điếc. Nay nghe

được Bát-nhã liền có thể nhập vào (Đây nêu việc nhờ Bát-nhã được nhập vào Pháp giới làm đầu mối. Pháp Hoa và Niết-bàn cũng theo lệ này mà được nhập vào. Người đời sau muốn căn cứ vào văn này mà xếp chung cả Bát-nhã. Nhưng không biết rằng Văn thông đến hai kinh và ba xứ nhập Pháp giới, thì làm sao mà hiểu rõ tên Thời Trường? Thích Thiêm nói rằng:

1. Lấy Pháp giới làm Hoa Nghiêm (Đây tức là ở Tịch Trường hai mươi mốt ngày suy tư tận vị lai tế là riêng vì hàng Lợi căn Đại cơ thường nói về Giáo Viên Đốn của Hoa Nghiêm. Nêu cái lý Sở thuyên pháp giới để làm tên vậy).

2. Lấy Thời Trường Thông đến các thời sau (tức là ba xứ Độn căn nhập vào pháp giới. Người Độn nhất khi đến hội Pháp hoa khai hiển thì mới được vào.

Hai nghĩa trên đều thông thế nên hễ có Đại cơ thì Hoa nghiêm không dứt (là giải nghĩa pháp giới ở trên). Tiểu cơ thì dùng giáo pháp lần lượt. Thế nên Độn căn cũng còn thấy hẹp hòi (là giải thích Thời trường ở trên do căn Độn nên còn thấy hẹp hòi. Vậy phải học lần lượt qua nhiều giáo pháp mới nhập được vào Đại cơ.

Lại Diệu Lạc dẫn phẩm Nhập Phật Cảnh Giới (quyển 38) thì ngài Văn-thù bảo ngài Xá-lợi-phất và sáu ngàn Tỳ-kheo rằng: "Các ông nên khéo thành tựu mười thứ Đại tâm thì sẽ chứng được Phật địa." Từ xưa cũng đều nói rằng: Hoa Nghiêm Thời Trường mới là kết tập các giáo pháp sau này. Đến thời Bát-nhã trở đi, mới có thể nói là khiến các Tỳ-kheo thành tựu được mười Đại tâm. Đây mới là Nghĩa đúng lúc phải chuyển giáo vậy. Kết các ý trong phần nhập Hoa Nghiêm nên gọi Thời trường (văn). Có người căn cứ vào lúc chuyển giáo mà cho rằng Hoa Nghiêm ngang hàng với Bát-nhã, thì khác nào chẳng biết việc ngài Kinh Khê dẫn phần sau của kinh này có hàng Thanh văn từ Thời trường mà chứng được Bát-nhã. Đó là bằng chứng Thời trường thông đến Bát-nhã vậy. Xưa chưa từng xét thời đầu có ngang hàng với Bát-nhã, nếu không thì vì sao ngài Kinh Khê giải thích Huyền Văn về ba xứ nhập Pháp giới, thì làm sao nói Thời Trường lại thông đến các giáo thứ lớp của Tiểu cơ sau này ư? Lại có kẻ bảo rằng (Xa Khê Vân Sư): Dù thông với Niết-bàn mà không phải thông với Pháp Hoa, là nói có ngăn ngại về Điều cơ vô công của Như Lai lấy đó mà vấn nạn. Nếu hay suy nghĩ kỹ về lời nói hội nhập vào Phật tuệ của Pháp Hoa thì ý này sẽ tự tiêu mất còn có ngại gì?

Về Hoa Nghiêm Giáo chủ, lời thuật rằng: Luận về Hoa Nghiêm

Giáo chủ thì căn cứ vào thuyết của bốn Minh Giải Báng mà chia ra hai nhóm cần hiện hay không hiện Thân Tôn quý. Nhóm cần hiện thì như các kinh Phạm Võng, Hoa Nghiêm và Quán Kinh... các tướng phần nhiều là thân to lớn. Còn nhóm không cần hiện thì phải dùng thêm sức gia trì khiến đối với thân thấp kém mà không coi thường. Thấy ba mươi hai tướng tức là thân to lớn không bờ mé vì biết thân một trượng sáu là pháp giới. Nay muốn rõ thuyết này khảo xét các kinh văn thì thấy có hai nghĩa:

1. Căn cứ vào bổ xứ Bồ-tát mà bảo là "Dưới cội Bồ-đề" mới thành Chánh giác. Nếu không phải là bổ xứ thì há lại nói là "mới thành". Lại có kệ rằng: "Ca-diếp từng đến ở điện này. Thế nên chỗ này rất tốt đẹp." Như thế mười bài kệ đều khen mười Phật quá khứ. Mỗi Phật đều đã có bổ xứ thì biết đó là Phật giấu tướng đẹp. Đó là thân phần đoạn sinh diệt cùng với Ứng thân ở cõi đồng cư không khác.

2. Căn cứ vào việc bay lên cung trời. Nghĩa là lúc đó Đức Thế Tôn không rời cội Bồ-đề mà vẫn bay lên núi Tu-di (Hoa Tạng Cốt Nguyệt nói rằng: Không động mà lên, ứng cơ được chỗ) tới điện Đế Thích mà thuyết pháp (tức mười Phật Ca-diếp trước từng ở điện này. Bay lên tức là nghĩa hiện khởi). Đâu không phải Hoa Nghiêm là ngàn trăm ức ứng thân đã nói, thân này đã khắp trùm cơ Biệt Viên, thấy đó là Tôn quý, đâu cần gì phải chỉ thân nhận chức ở Hoa đài ư? Đây tức là phá thuyết tịnh giác chỉ ở cõi Thật báo ẩn giấu thân tôn quý mà ứng hiện ở cõi Đồng cư. Bởi Đại sư có nói: Ba phẩm Tướng Hải đều ứng cơ mà hiện. Biệt giáo thì dùng Biệt tu duyên hết thành tựu tướng này, tức là Tướng tôn quý do tu mà thành, nên gọi là Báo thân. Về Viên giáo hay biết rõ Nhị tu là tánh, tu đức vô công chính là tướng tôn quý của tánh cụ, nên gọi là Pháp thân. Căn cứ theo đây thì biết rằng: ngay nơi tánh mà luận Bản nên gọi là Pháp thân, còn nhắm vào cõi đồng cư thì gọi là Ứng thân và độ cơ mà hiện khởi thì gọi là tướng tôn quý (Báo thân). Nó khác hẳn với thuyết của tịnh giác tu thành tướng tôn quý ứng ngang với thuyết đồng cư. Song nay Đức Phật theo cơ theo giáo để định ra thân, thì chính là sinh thân ở cội Bồ-đề hiện khởi Tôn quý là để ứng với cơ Biệt Viên chính là hợp với thuyết Đức Thích-ca đầu tiên nói Đốn giáo của Diệu Huyền (Thích-ca là Sinh thân, còn nói Đốn giáo là Xá-na) cũng hợp với bốn Giáo Nghi nói về Đức Như Lai hiện thân Lô-xá-na để nói pháp (Như Lai là sinh thân của Thích-ca hiện khởi thân tôn quý nên chuyển gọi là Xá-xa). Đời có người lấy thuyết Nguyệt Đường nói rằng: Cảnh vốn định thân thì chính là Thích-ca, do có cảm mà thấy tướng thì

là Xá-na.

Song Đốn giáo đầu tiên chưa chắc là thuần giáo. Pháp thân Bồ-tát mà cũng có người phàm phu Đại căn tánh. Đây có hai nghĩa: Nếu Đương thể là Viên đốn mà được ngộ, thì liền phá vô minh, nhập vào bậc Sơ trụ của Viên giáo. Đây là đề hồ. Nếu người Sơ tâm tuy có nghe Đại giáo nhưng chỉ mới được nhập vào Thập tín, chỉ là vị đầu tiên nên gọi là sữa. Nói là sữa, ý không phải ở vị nhạt vì là ban đầu mà cũng là gốc (hàng nội Phàm Viên giáo sáu căn thanh tịnh tức là thập tín. Sơ Tín là đoạn kiến hoặc từ nhị tín đến thất tín là đoạn tư hoặc từ bát tín đến thập tín là đoạn trần sa hoặc ở nội ngoại giới. Vì chưa phá hết vô minh nên chỉ gọi là sữa). Nếu người có căn tánh thì, dù đại giáo vẫn cho là tiểu như câm điếc. Bởi tiểu cơ chưa đổi nên còn toàn chất sữa vậy (Diệu Huyền 10).

Hoa Nghiêm hai vị bốn cơ. Lời thuật rằng: Từ xưa dạy kẻ mới học là Bản đồ về thời và vị. Trên nói Cao Sơn thì dưới đối là Nhũ Vị. Chưa từng thấy có ai luận đến. Nay xét về Huyền Văn thì thời Hoa Nghiêm có hai vị và bốn cơ khác nhau:

1. Thuần dạy Pháp thân, tức là phần chứng Trung đạo bốn mươi mốt vị, đây gọi là đề hồ.

2. Phàm phu đại căn, nhập vào bậc Sơ trụ của Viên giáo, chứng một phần Trung đạo trở đi, cũng gọi là đề hồ.

3. Mới vào thập tín, tuy ở bốn trụ nhưng vì chưa phá vô minh nên chỉ gọi là sữa.

4. Tiểu căn câm điếc toàn như vị sữa.

Song gọi là đề hồ thì có hai Cơ, còn gọi là sữa thì cũng có hai cơ. Diệu Huyền nói rằng: Ở Tiểu cơ thì như sữa, ở Đại cơ thì như đề hồ, chỉ là phần nhỏ ví dụ không thể coi như toàn thể. Như Thiêm có nói: Hoa Nghiêm phần dụ ở vị đầu tiên mà chưa được Đốn của Hoa Nghiêm và hai giáo Biệt viên, chỉ có tướng thứ lớp năm vị (Văn) nên biết thế. Gọi Hoa Nghiêm là sữa chính là theo ý từ Đốn khai Tiệm để triển khai sự hóa độ.

Hai mươi mốt ngày định cơ. Lời thuật rằng: Các văn gọi hai mươi mốt là Nghĩ cơ, thì không có luận bàn gì khác. Song Huyền Văn có nói: Ở phần đầu kia (Hoa nghiêm) dứt khoát không có hàng Thanh văn, phần sau mới có, tuy nghe pháp vẫn như câm như điếc. Cho nên với nghĩa Thần trí căn cứ vào việc này mà bác bỏ không có hàng Thanh văn ở phần đầu, vậy thì vì sao lại phải định cơ Nay xin nêu hai nghĩa cho thật hết ý:

1. Trong ba tuần đầu dứt khoát không có Thanh văn, đây là Như Lai nghĩ cách thích hợp để giáo hóa mà thôi.

2. Phần sau mới có, hình dạng giống như câm điếc. Đây là Như Lai đã thật sự giáo hóa.

Nói trước có ý độ hóa, thì như ở phẩm Phương Tiện có nói: "Trước ngồi ở đạo tràng hai mươi mốt ngày suy tư." Thích Thiêm thì nói: Bảy ngày đầu suy nghĩ muốn nói Viên giáo, bảy ngày Kế đến suy nghĩ muốn nói Biệt giáo, bảy ngày thứ ba muốn nói Thông giáo đều không có Cơ nên chỉ nói Tam tạng", Thích Thiêm lại nói: Theo Đại cơ là lúc đạo tràng vắng lặng (tịch tràng), còn theo Tiểu cơ thì sau khi thành đạo rồi chỉ suy nghĩ mà chưa nói'. Diệu Lạc nói rằng: Tiểu cơ thì thấy hai mươi mốt ngày là thời gian ngưng đọng không nói pháp. Còn Đại cơ thì thấy trước sau không thay đổi. Đây đều là Như Lai có ý định giáo hóa. Nói việc giáo hóa thì như Văn Cú nói rằng: Hội cuối Hoa Nghiêm mới khai về Tiệm giáo. Diệu Lạc giải thích rằng: Cựu Kinh nói rằng: Đức Phật ở rừng Thệ-đa nhập Tam-muội Sư tử tần thân, ngài Xá-lợi-phất từ Kỳ viên đến không thấy Đức Như Lai đang tự tại trang nghiêm, cũng không thấy các Đại Bồ-tát quyến thuộc, vì chỉ Vô trí nhãn mới có thể thấy được, cũng không thể khen ngợi." Đây tức là văn như câm như điếc. Ở cuối hội đó chính là thời kỳ đầu của Tiệm giáo. Nay khảo xét lời hai Tổ thì đều chỉ rằng câm điếc là ở phần sau ban đầu của tiệm giáo biết rõ là trong mười hai năm ở Lộc uyển. Lệ như Diệu Huyền bảo là: "Phương Đẳng Đờn Ha ứng với mười hai năm trước." Lấy đó mà suy thì biết là hội cuối ở rừng Thệ-đa Đức Như Lai định việc truyền giáo, vì do Thanh văn trước tập học Tiểu thừa chưa thể nghe nổi Đại thừa nên có dạng như câm điếc. Do đó phải nhờ ngài Tịnh Danh để mời đến, đó là nghĩ cách quở mắng đều ở trong mười hai năm. Về không thể nghi, tức là bốn Giáo Nghi nói về điếc câm ở hội Hoa nghiêm, còn Đờn Ha là ở thời Phương đẳng. Đây chỉ là căn cứ theo bộ mà luận, kỳ thật chưa phải là đúng nghĩa. Kinh lại nói: Mong Bồ-tát Quang Minh... mỗi vị nói mười kệ để khuyên dạy hàng Thanh văn. Bài kệ đầu quở trách rằng: Tất cả các Duyên giác và các đại Thanh văn kia đều không thể biết được hạnh cảnh giới của Bồ-tát (đây là phần sau gồm cả phần trước, căn cứ theo văn), đây đều là việc nghĩ cách giáo hóa thích hợp. Người xưa vì không phân biệt các văn, không rõ về ý hóa khác với sự hóa của Như Lai, xem lẫn lộn nhau nên có nhiều cách nói khác nhau.

Về bảy xứ tám hội là theo Cựu Kinh sáu mươi quyển, do ngài Bạt-đà-la dịch ở đời Tấn. Tông Thiên thai đã dẫn dùng. Còn bản Tân Dịch

tám mươi quyển, là do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch ở đời Đường có thêm một hội Phổ quang minh, đó là bảy xứ chín hội, ở phẩm thứ ba mươi chín, thì chỉ có a-tăng-kỳ Tùy hảo quang minh là do chính Phật nói, còn các hội khác đều gia bị cho các Bồ-tát nói.

Hội thứ nhất, ở Bồ-đề đạo tràng nói sáu phẩm là:

1. Thế Chủ Diệu Nghiêm (Đức Phật khi mới thành Chánh giác ở tại A-lan-nhã Bồ-đề đạo tràng tại nước Ma-kiệt-đề), ngài Kinh Khê nói: Thành đạo từ lâu thọ hương có khác không đồng với dưới cội Bồ-đề nói trong A-hàm, nhiệm vận ở nơi Tích là Biệt Viên giáo vậy.

2. Như Lai Hiện Tướng: (Phật Bạch Cao Tướng Hữu Bồ-tát nói kệ rằng: Thân Phật to lớn đầy khắp pháp giới...)

3. Phổ Hiền Tam-muội (Ngài Phổ Hiền nhập Như Lai tạng trần Tam-muội, hiện ra vi trần cõi Phật).

4. Thế Giới Thành Tựu (Ngài Phổ Hiền nói thế giới thành tựu phải có đủ mười việc và mười nhân duyên).

5. Hoa Tạng Thế Giới (Ngài Phổ Hiền nói biển thế giới như lưới trời giăng mắc khắp trên hư không).

6. Tỳ-lô-giá-na (Ngài Phổ Hiền nói tên Phật ở thế giới này. Cựu Kinh thì nói Phật Thích-ca cũng gọi là Lô-xá-na nhưng Tân Kinh thì gọi là Tỳ-lô-giá-na. Diệu Lạc nói: Pháp Báo không phân hai, ba, chớ biện giải, chính là chỗ nói này vậy).

Hội thứ hai, ở Bồ-đề tràng tại điện Phổ quang minh nói sáu phẩm là:

1. Như Lai Danh Hiệu (Ngài Văn-thù nói tên Phật ở mười phương thế giới).

2. Bốn Thánh Đế (Ngài Văn-thù nói tên và nghĩa bốn đế).

3. Quang Minh Giác (Ngài Văn-thù nói kệ khen, Phật phóng quang).

4. Bồ-tát Vấn Minh (Ngài Văn-thù hỏi ngài Giác Thủ... về nghĩa phá vô minh. Ngài Pháp Thủ Bồ-tát nói: Như kẻ đếm châu báu của người khác, chính mình không có nửa xu, đối với pháp không tu hành chỉ thích học nhiều thì cũng thế. Như người giỏi toa thuốc, bệnh mình không thể cứu, như người điếc tấu nhạc, không thể nghe tiếng hay. Ngài Hiền Thủ lại nói: người vô ngại tất cả, một đường ra khỏi sinh tử).

5. Tịnh Hạnh (Ngài Văn-thù đáp ngài Trí Thủ rằng: Tất cả hạnh nguyện thì như khi ăn cơm, phải cầu nguyện chúng sinh, thiền duyệt làm thức ăn, pháp hỷ đầy đủ. Các kệ đều rút từ phẩm này).

6. Hiền Thủ (Ngài Văn-thù hỏi ngài Hiền Thủ về công đức của

tâm Bồ-đề... thì tín là mẹ phát sinh mọi

Hội thứ ba, ở cung trời Đao-lợi, nói sáu phẩm là:

1. Thăng Tu-di Sơn (Đức Phật ngồi ở cội Bồ-đề, không rời tòa ngồi mà vẫn bay thẳng lên núi Tu-di. Trời Đế Thích khen rằng: Phật Ca-diếp từng ở tại điện này, thế nên chỗ này rất tốt. Như thế căn cứ vào lời khen mười Phật quá khứ đều nói chỗ này rất tốt. Ngài Kinh Khê nói rằng: Không động đậy mà bay lên, phó cơ được chỗ).

2. Sơn Đảnh Kệ Tán (Phật ngồi trong điện trời Đế Thích, mười vị Bồ-tát pháp tuệ... đều nói kệ khen thắng tuệ của Phật rằng:

Hiểu biết tất cả pháp
Tự tánh vốn không có
Hiểu pháp tánh như thế
Thì thấy Lô-xá-na).

3. Thập Trụ (Ngài Pháp Tuệ nói mười trụ, mỗi trụ đều khuyên tu mười pháp).

4. Phạm Hạnh (Ngài Pháp Tuệ nói tu tập phạm hạnh có mười pháp).

5. Phát Tâm Công Đức (Ngài Pháp Tuệ đáp lời Đế Thích hỏi là các công đức của phát tâm là Phật chủng không hề dứt, nhất niệm mà biết được thế giới rộng hẹp, kiếp dài ngắn có Phật hay không Phật, một Phật hay nhiều Phật, Nhất niệm mà biết kiếp thành hoại của thế giới ba đời, các thứ chúng sinh khác nhau. Ngài Kinh Khê nói: Chỗ duyên của Phát tâm chính là cảnh được quán, đủ ba đế không có tánh không, tất cả đều giả mượn, bình đẳng...).

6. Minh Pháp (Ngài Pháp Tuệ nói Bồ-tát sơ phát tâm lìa mười thứ phóng dật, tu mười thứ pháp, đầy đủ đại công đức, thành tựu được Phật trí. Ngài Kinh Khê nói rằng: Minh là sở chứng, pháp là phương pháp).

Hội thứ tư, ở cung trời Dạ-ma nói bốn phẩm là:

1. Thăng Dạ-ma Thiên (Phật lên đây, các trời thỉnh Phật nhập điện).

2. Dạ-ma Kệ Tán (Công Đức Lâm... đều nói kệ khen Phật, ngài Giác Lâm đọc kệ rằng:

Tâm như thợ vẽ khéo
Tạo các thứ ngũ ấm
Tất cả trong thế gian
Không gì ngoài danh sắc.

Lại nói rằng:

Tâm và Phật cũng thế

Phật, chúng sinh cũng vậy
Tâm Phật và chúng sinh
Là ba thứ không khác.

Nếu người muốn hiểu biết, ba đời tất cả Phật, nên Quán tánh pháp giới, tất cả duy tâm tạo).

3. Thập Hạnh (do ngài Công Đức Lâm nói).

4. Thập Vô Tận Táng (Ngài Công Đức Lâm nói).

Hội thứ năm, ở cung trời Đâu-suất nói ba phẩm là:

1. Thăng Đâu-suất Thiên (Phật lên đây các trời mời Phật nhập điện)

2. Đâu-suất Kệ Tán (Ngài Kim Cang Tràng... khen Phật)

3. Thập Hồi Hướng (Ngài Kim Cang Tràng nói kệ rằng:

Pháp tánh biến khắp tất cả chỗ
Tất cả chúng sinh và quốc độ
Ba đời đều ở chỗ vô dư
Cũng không hình tướng có thể đắc).

Hội thứ sáu, ở cung trời Tha hóa nói một phẩm là Thập địa (Ngài Kim Cang Tạng nói rằng: Dùng mười Địa đối với các Thiên vương, giống như đất phát sáng đối với các trời Đao-lợi).

Trùng hội thứ bảy, ở tại điện Phổ quang minh nói mười một phẩm là:

1. Thập Định (Ngài Phổ Hiền nói nhập mười thứ Tam-muội).

2. Thập Thông (Ngài Phổ Hiền nói mười thứ thông).

3. Thập Nhẫn (Ngài Phổ Hiền nói mười thứ nhẫn).

4. A-tăng-kỳ (Phật nói cho Tâm Vương Bồ-tát biết có a-tăng-kỳ nhiều không thể nói không thể nói số kiếp để khen ngợi công đức vô lượng của ngài Phổ Hiền).

5. Thọ Lượng (Ngài Tâm Vương Bồ-tát so sánh số kiếp dài ngắn của các thế giới).

6. Bồ-tát Trụ Xứ (Ngài Tâm Vương ở núi Thanh lương tại phương Đông bắc là nơi ở chung của ngài Văn-thù với vạn Bồ-tát. Lại nói nước Chấn Đán (Trung Quốc) có hang Na-la-diên).

7. Phật Bất Tư Nghì (Liên Hoa Tạng Bồ-tát nói diệu đức bất tư nghì của Như Lai).

8. Thập Thân Tướng Hải (Ngài Phổ Hiền nói mười thân của Như Lai, mỗi mỗi đều có mười Hoa tạng thế giới hải vi trần số tướng người to lớn).

9. Như Lai Tùy Hảo Quang Minh (Phật bảo ngài Bảo Thủ nói tùy

hảo quang minh chiếu khắp mười Phật sát trần giới, địa ngục gặp ánh sáng này liền dứt khổ và các hàm thức được sinh lên cung trời Đâu-suất).

10. Phổ Hiền Hạnh (Ngài Phổ Hiền nói tu hành mười pháp).

11. Như Lai Xuất Hiện (Đức Phật phóng ánh sáng tên là Như Lai Xuất hiện. Ngài Phổ Hiền nói bản nguyện của Giá-na).

Hội thứ tám có ba chỗ, ở điện Phổ quang minh nói một phẩm là Ly Thế Gian (Ngài Phổ Hiền nói Tạp hạnh của Quảng Lệ Bồ-tát).

Hội thứ chín, ở rừng Thệ-đa (tức vườn Cấp cô độc) nói một phẩm là:

Nhập Pháp Giới (Lúc đó Đức Thế Tôn nhập vào Sư tử tần thân Tam-muội, ngài Xá-lợi-phất và các đại Thanh văn ở tại rừng Thệ-đa đều không thấy thần lực của Như Lai cũng không thấy các Bồ-tát đang đại hội vì thiện căn không đồng. Bởi xưa không tu tập môn Kiến Phật thiện căn, xưa cũng không khen ngợi các thần biến của chư Phật, nên không thể thấy nghe nhớ... vì chỉ dựa vào Thanh văn thừa mà xuất ly. Ngài Văn-thù từ giả Phật đi về cõi nhân gian ở hướng Nam, lúc đó ngài Xá-lợi-phất và sáu ngàn Tỳ-kheo cùng đến chỗ ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù khuyên dạy họ mười điều khiến họ hành đạo Bồ-tát thì liền được Vô ngại nhẫn Tam-muội thấy được cảnh giới của tất cả Phật nên đều thấy được chư Phật. Ngài Văn-thù khuyên xong liền đi về phương Nam đến phía Đông Phước thành, nói pháp cho Đồng tử Thiện Tài, khiến ngài cầu quả Bồ-đề và gần gũi các Thiện tri thức. Từ đây đi về phương Nam qua một trăm mười thành tham học với năm mươi ba Thiện tri thức, nhập đạo tràng Phổ Hiền, được tất cả Phật sát vi trần số môn Tam-muội, khắp thấy ngài Phổ Hiền ở mười phương cõi, đây đều là dựa vào Kinh Khê rút từ Mạnh Mục của kinh Hoa Nghiêm).

Thích Thiện nói rằng: Có ba bản được cất giữ ở Long cung: Bản Thượng có mười ba thế giới vi trần số phẩm, bản Trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, bản Hạ có mười vạn kệ, bốn mươi tám phẩm. Nay chỉ có ba mươi chín phẩm thì biết là kinh này đến đây chưa hết (Ngài Long Thọ vào Long cung xem kinh thấy hai bản Thượng và Trung thì người đời không xem nổi, nên chỉ có các tụng trong bản Hạ được lưu hành mà thôi).

Ngày chín tháng hai Như Lai trong bảy ngày đã một lòng suy tư ngồi dưới gốc thọ vương mà quán niệm. Ngài tự nghĩ rằng: Ta đã chứng được pháp thậm thâm khó hiểu, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể biết được. Còn tất cả chúng sinh thì phước mỏng căn độn làm sao có thể

biết được pháp ta đã chứng. Vậy thà ta nên nhập Niết-bàn. Lúc bấy giờ có Đại phạm Thiên vương từ cung trời đến chỗ Đức Như Lai bạch rằng: Thưa Thế Tôn! Từ khi thành đạo Vô thượng đến nay, vì sao ngài vẫn im lặng mà không nói pháp. Có những chúng sinh ở thời quá khứ đã gieo trồng phước đức, họ đủ sức nghe pháp. Cúi mong Thế Tôn vì chúng đây mà dùng sức đại Bi để chuyển diệu pháp luân. Các Thích Đề-hoàn Nhân cho đến trời Tha hóa tự tại cũng lại như thế. Lúc đó trời Phạm thiên đến ba lần mời thỉnh. Say bảy ngày thì Đức Phật yên lặng nhận lời. Ngày thứ mười bốn, ngài dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh về các căn thượng, trung, hạ và các phiền não. Suốt hai mươi mốt ngày, suy nghĩ rằng ta nay sẽ triển khai pháp môn Cam lồ, ai sẽ được nghe trước? A-la-la có phát nguyện: "Thành đạo rồi trước xin được độ, thì trên không trung có tiếng nói ông ấy vừa mệnh chung hôm qua." Lại nghĩ đến Ca-lan thông minh cũng đáng được nghe trước. lại có tiếng trên không trung: "Tối qua ông ấy vừa mệnh chung." Lại nghĩ đến năm người vương thần do vua sai đi, quá khứ đã phát nguyện, cũng đáng được nghe pháp trước. Ngài liền từ tòa ngồi đứng dậy và đi đến thành Ba-la-nại (kinh Nhân Quả, văn cú dẫn kinh Nhân Quả so với hai mươi mốt ngày của kinh Pháp Hoa không khác. Lại Thích Thiêm dẫn đủ các kinh nói hai mươi mốt ngày (3x7) đều không đồng chỉ có kinh Nhân Quả thì tóm tắt giống ý của Sư ngày nay, cho nên các văn ghi chép về Đức Phật phần nhiều căn cứ vào kinh này. Hai Tiên nhân A-la-la và Ca-lan cùng năm ông Kiều-trần-như đều thấy trong Bản Kỷ, quyển hai).

Ngày ba mươi tháng hai, Đức Thế Tôn đến bến nước không bờ đê của con Rồng mù vảy bông mà ngồi nhập định suốt bảy ngày, phóng luồng ánh sáng vào nước thì mắt Rồng được mở và tự nhớ ánh sáng của ba Phật đã thấy trước đây (ba Phật là Câu-lưu, Na-hàm, Ca-diếp trong Hiền kiếp) thì mắt liền thấy lại như xưa. Rồng liền ra khỏi nước gặp Phật. Trời mưa suốt bảy ngày, Rồng dùng thân quấn quanh Phật bảy vòng vương bảy đầu để che chắn cho ngài. Bảy ngày hết mưa Phật xuất định, Rồng hóa làm một Đạo sĩ trẻ, Phật liền dạy cho pháp Tam tự quy (giống như Đề-vị quy tăng ở vị lai). Đây là loài bàng sinh được gặp Phật trước nhất (kinh Nhân Quả).

Ngày bảy tháng ba, Thần cây biết Đức Phật ngồi nhập định bảy ngày (đây là ngồi nhập định bên bờ nước, Thần cây đây không phải là Thần cây Bồ-đề) chưa có ai dâng cúng thức ăn. Vừa lúc đó có năm trăm khách buôn từ dãy núi trước mặt đi ngang qua xe trân bị kẹt bánh không đi được. Có hai người lớn là Đề-vị và Ba-lợi cùng đến thần cây

để cầu phước.Thần cây liền bảo họ rằng: Đức Phật đang ở bên bờ nước, các ông là người may mắn cúng dường thức ăn cho ngài trước tiên. Hai người liền đem cháo mật dâng lên Phật, bốn Thiên vương liền lấy bát thơm tự nhiên trong đá cùng dâng lên ngài (theo kinh Nhân Quả, kinh Phổ Diệu thì nói bốn Thiên Vương mỗi vị dâng lên ngài một bát bằng đá xanh). Đức Phật nghĩ rằng lấy một bát thì không vui lòng các vị kia, bèn nhận cả bốn bát đặt vào tay trái lại lấy tay phải vỗ thành một bát khiến bốn phía đều nhìn thấy (kinh Thụy Ứng), rồi Phật chú nguyện, khi ăn xong ngài liền truyền cho các thương buôn Tam quy: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở tương lai (kinh Nhân Quả). Trước hết Phật nói về các thứ ngũ hành, sáu giáp, âm dương và lịch số. Khi tin phục rồi Phật mới khiến quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng ở tương lai. Lúc đó ông Trưởng giả Đề-vị được quả Tu-đà-hoàn (Hán dịch là Dự lưu, là người được Sơ quả). Lại nói cho năm giới, năm giới là mẹ của chư Phật, vì muốn cầu Phật đạo thì phải đọc kinh ấy, muốn cầu A-la-hán (Hán dịch là Vô sinh, là người đã chứng bốn quả Thánh) cũng đọc kinh ấy. Đề-vị bèn được Bất khởi pháp nhân (Vô sinh pháp nhẫn), ba trăm người đều được tín nhẫn, hai trăm người được quả Tu-đà-hoàn, năm trăm khách buôn và BốnThiên vương được Nhu thuận pháp nhẫn (kinh Đề-vị, phụ chú rằng: Căn cứ vào Tam bảo sáu, xưa có kinh Đề-vị một quyển. Sau đó ngài Đàm Tinh ở đời Ngụy soạn ra bộ Đề-vị, Ba-lợi hai quyển có thêm phần Ngũ Hành Ngũ Phương. Lại nói rằng: Núi Thái sơn ở phương Đông, nhà Hán gọi là Đại nhạc, không biết là tiếng Phạm hay Ngụy đến nỗi người đời sau cho là bản giả, nên lấy bản một quyển cho là chính thức). Đức Phật thọ ký cho Đề-vị ở vị lai sẽ thành Phật hiệu là Mật Thành Như Lai (theo kinh Phổ Diệu).

Những gì thuộc Đề-vị? Lời thuật rằng: Đức Phật nói năm giới là pháp dạy cho hàng trời người chính là hiển bộ. Đề-vị nghe pháp Tiểu thừa mà chứng Đại thừa, là Bất định. Đó là hiển bày giáo bất định vậy. Nếu ước định về thời gian thì đó là hai mươi mốt ngày sau hội Hoa nghiêm và sau bảy ngày nhập định bên bờ nước. Đây là bảy ngày thứ năm. Như kinh Nhân Quả đã nói: Nếu gom góp các kinh thì đó là pháp dạy hàng trời người, còn thuộc về ba tạng thì như bốn giáo nghĩa đã nói.

Kế đến là Tiệm giáo gồm có ba thời: Lộc uyển là thời Tiệm đầu, Phương đẳng là thời Tiệm giữa và Bát-nhã là thời Tiệm cuối. Gọi chung là Tiệm giáo.

Thuật rằng: Đây là nhóm Xá-lợi-phất... thuộc Tiểu cơ không được

lợi ích gì trong hội Hoa nghiêm, nên từ Đốn mở ra Tiệm để lần lượt hướng dẫn mọi người được vào đó là thời Lộc uyển Tiệm đầu. Do pháp bốn đế và Thập nhị nhân duyên mà cùng chứng quả Tiểu thừa, là thời Phương đẳng tiệm giữa. Riêng bác bỏ Tiểu thừa để cùng hâm mộ pháp Đại thừa, là thời Bát-nhã Tiệm cuối chuyển đổi thuyết giáo giao tài sản để lãnh biết nghiệp nhà, nên gọi chung là Tiệm giáo.

Thời thứ hai là Lộc uyển: Phật vốn dùng Đại thừa để hóa độ chúng sinh, nhưng vì họ không kham nổi nên suy nghĩ tìm phương tiện mà đến Ba-la-nại (Hán dịch là Giang nhiễu thành, ở Trung Ấn Độ, trong thành có vườn Lộc uyển). Ngài lấy đạo Nhất thừa mà phân biệt nói có ba thừa, tức là triển khai Tam tạng giáo. Không phải chỉ riêng có Đức Thích-ca giấu kín vô lượng thần đức để dạy Tiệm giáo này, mà chư Phật quá khứ cũng đều thế. Phải biết rằng sau thời Đốn giáo đầu thì tiếp theo mới mở Tiệm giáo. Tiệm cơ đối với Đốn giáo hoàn toàn mới như là vị sữa, Tam tạng Giáo điển chuyển đổi họ từ phàm thành Thánh cũng dụ như biến đổi sữa thành lạc, thứ lớp tương sinh không có vị đậm nhạt (Diệu Huyền 10). Vì căn tánh của hàng Tam thừa đối với Đốn giáo không có lợi ích. Nên từ Bất động tịch trường mà đi đến Lộc uyển, đổi trang phục Xá-na quý báu mặc vào lớp áo của thân trượng sáu dơ xấu, trước vì năm người mà nói về bốn đế, Thập nhị nhân duyên và Sáu độ... (theo bốn Giáo Nghi, pháp hoa văn cú nói rằng quá khứ gọi là căn, vị lai gọi là tánh, tức Đại mà Tiểu, nên gọi là Bất động. Thân Tôn Đặc Ứng nghĩa cao quý định tuệ trang nghiêm nên với trang phục quý báu, còn sinh thân ứng nghĩa yếu kém Nhẫn sinh pháp não dụ lớp áo dơ xấu. Đức Phật sinh trong hàng người có hình dáng cao đẹp gấp bội phần nên cao trượng sáu. Cũng như Đức Di-lặc cao ba mươi hai trượng thì người lúc đó cao mười sáu trượng vậy).

Nếu xác định về thời gian thì đó là thời Kế đến tiếp chiếu ánh nắng vào hang sâu, nếu ước định về vị thì đó là sữa sinh lạc. Từ mười hai bộ loại kinh văn mà sinh ra chín bộ Tu-đa-la (theo Diệu Huyền 10).

Phẩm Tín Giải nói rằng: Lúc bấy giờ, trưởng giả muốn khuyến dụ con mình (không dạy Đại thừa nên không muốn bỏ côi cút) nên mật sai hai người (ẩn Thật là Mật, dùng Quyền là Sai, Thanh văn, Duyên giác là hai người) thân hình tiều tụy (Nhị thừa không tu tướng hảo) không có oai đức (không có mười Lực, Vô úy) đến nói từ từ với kẻ cùng tử (Tiểu thừa giáo dài dòng dụ cho nói từ từ) mướn người hốt phân (khổ tập là phân). Lúc đó hai người liền tìm kẻ cùng tử (xét biết người có

cơ duyên) khi đã gặp liền nói mọi việc (nói việc thuê làm). Bấy giờ kẻ cùng tử nhận giá tiền rồi hốt phân (nhận lấy giá Diệt, Đạo). Người cha nhìn thấy con vừa thương vừa lạ (thương vì con chỉ cầu A-la-hán, lạ vì không cầu Phật đạo - Từ trên đều là tề giáo từ đây trở đi là thám lãnh. Lại nhân một ngày khác ở trong cửa sổ (thiên kiến nhỏ hẹp). Xa thấy thân con (bỏ Tiểu thừa xa Đại thừa nên là xa thấy) gầy mòn tiều tụy (Sức trí và phước yếu kém nên gọi là gầy bên trong sợ vô thường nên gọi là mòn, bên ngoài gặp tám khổ nên gọi là tiều tụy) phân đất bùn sình (bốntrụ là phân đất vô minh là bùn sình) nhầy nhụa dơ bẩn (đã từ lâu biết là phương tiện coi là đồ chơi) liền cởi bỏ y phục và chuỗi ngọc sang quý (giấu Báo thân có đeo chuỗi ngọc giới định huệ và y phục Tịch diệt nhẫn...) mặc áo thô xấu dơ bẩn (thân trượng sáu là thô, sinh, pháp hai nhẫn là xấu. Nhẫn có tình buồn thì gọi là Sinh nhẫn, không có tình buồn thì gọi là Pháp nhẫn, đó là các pháp thuộc nóng lạnh, gió mưa... Thô là thô tục) tay phải cầm đồ hốt phân (đối trị các thứ kiến, tư hữu lậu. Tay trái dụ cho Thật, tay phải dụ cho Quyền) nói với người làm (đích thân bảo con làm) ngươi hãy siêng làm và nên an tâm xem ta như cha ngươi (giống chứ chưa thật) từ nay trở đi ngươi hãy tự xem như con ruột của ta (gần được bậc Thánh tức là thế Đệ nhất). Lúc đó kẻ cùng tử vui mừng vì cuộc gặp gỡ ấy nhưng vẫn tự coi mình là khách làm người hèn hạ (tự biết không kham việc nối Đại thừa). Suốt hai mươi năm làm việc hốt phân (Kiến đế có một giải thoát, một vô ngại, Tư dung có chín giải thoát, chín vô ngại cộng thành hai mươi. Chú trên đều trích từ Pháp hoa văn cú).

Đây nên hiểu ý gì? Đây là sau hội Đốn giáo thứ hai thì giấu thân Xá-na mà hiện làm Tỳ-kheo thuyết giảng ba tạng giáo điển, suốt cả hai mươi năm luôn bắt hốt phân được tiền một ngày công là Kiến tư hoặc đã dứt được tâm vô lậu thanh tịnh (Diệu Huyền 10).

Trong hai mươi năm. Lời thuật rằng: "Hai mươi năm" nói trong phẩm Tín Giải được nêu ra ở ba nơi đều có ý riêng.

1. Hai mươi năm luôn khiến hốt phân (ví dụ đang dạy dỗ). Thấy Đế có một giải thoát, một vô ngại. Tư duy có chín giải thoát, chín vô ngại, nên gọi là hai mươi (theo Văn Cú đây có bảy giải thích).

2. Kinh nói hai mươi năm làm việc nhà (ủy thác nghiệp nhà) Trụ ở Vị Nhị thừa đổi thành giáo Đại thừa (Văn Cú).

3. Từ khi thấy con trở về đã hai mươi năm (định về thiên tánh của cha con) là người thuộc cơ Nhị thừa nhưng lại cảm Phật thừa (Văn Cú).

Một lần hai mươi trước tức là dùng tám nhẫn tám trí mà đoạn Kiến hoặc họp làm một giải thoát một vô ngại. Dùng chín vô ngại và chín giải thoát để đoạn từ hoặc thì chung lại gồm có hai mươi. Hai lần hai mươi sau chỉ là họp hai nghĩa. Diệu Lạc nói: Đoạn kiến hoặc là một, đoạn từ hoặc là một. Phụ Hành nói rằng: Kể về người thì có Nhị thừa, kể về Lý thì có hai đế chân tục, kể về hoặc thì kiến và tư hoặc đều phá hết. Hỏi rằng: hai nghĩa là thế, còn mười nghĩa là sao? Đáp: Nhị thừa thì mỗi thừa có mười trí (mười Trí tức: Thế trí, Tha tâm trí...). Đây là nghĩa ba văn trước sau đều thấy có hai mươi.

Ngày tám tháng ba, Đức Thế Tôn đi về phía trước vào vườn Lộc uyển ở nước Ba-la-nại (kinh Nhân Quả).

Đức Phật thành đạo từ ngày tám tháng hai, từ ngày chín đến ngày hai mươi chín tháng hai là tròn hai mươi mốt ngày ở tịch tịnh đạo tràng (nhập định nói kinh Hoa Nghiêm). Đến ngày sáu tháng ba là bảy ngày nhập định bên bờ nước, thì tròn bốn tuần. Đến ngày bảy tháng ba nhận thức ăn của Trưởng giả Đề-vị dâng cúng. Sau đó mới đến vườn Lộc uyển, đến ngày tám tháng ba là đúng ba mươi lăm ngày. Kinh Niết-bàn nói: Các ngày Đản sinh xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân đều đúng ngày mồng tám cả.

Đầu tiên nói pháp BốnThánh đế cho các ông Kiều-trần-như. Nay các ông cần nên biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, Đức Phật ba lần nói về pháp bốn đế và Thập nhị hành pháp luân (theo kinh Nhân Quả, kinh Pháp Hoa nói Đức Phật đại thông nhận lời thỉnh mà ba lần chuyển pháp luân về mười hai hành).

Theo Thanh văn tạng giáo thì người nương vào bốn đế sinh diệt.

1. Khổ đế, gồm hai mươi lăm hữu và hai báo Y Chánh (bốn châu, bốn ác thú Sáu dục, Phạm thiên, bốn Thiền, bốn không xứ, Vô tưởng, bất hoàn A-na-hàm) riêng là hai mươi lăm hữu, chung là sáu đạo sinh tử.

2. Tập đế tức Kiến và Tư Hoặc (Kiến hoặc có tám mươi tám sử, Tư hoặc có tám mươi mốt phẩm).

3. Diệt đế, tức diệt hết các khổ tập trước mà hiện bày chân lý.

4. Đạo đế, tóm tắt thì có giới định tuệ, nói rộng ra thì có ba mươi bảy Đạo phẩm (hợp là bảy khoa, từ một là bốn Niệm xứ đến bảy là tám Chánh đạo), hai Đế trước là nhân quả thế gian (Khổ là quả, Tập là nhân). Hai Đế sau là nhân quả xuất thế gian (Diệt là quả, Đạo là nhân. Đây là dựa theo bốn Giáo Nghi).

Về ba chuyển có: Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển.

Thị chuyển là chỉ rõ hình tướng. Như nói rằng đây là khổ cho đến đây là đạo...

Khuyến chuyển là khuyên nên tu. Như nói rằng: Đây là khổ các ông nên biết, cho đến đây là đạo các ông nên tu.

Chứng chuyển là dẫn việc mình đã chứng. Như nói rằng: Đây là khổ, ta đã biết không cần biết nữa.

Về luân, có nghĩa là nghiền nát. Nếu chỉ có giáo pháp mà không thực hành thì đâu thể phá tan các hoặc, nếu giáo và hạnh giúp nhau thì có thể phá hoặc (Diệu Lạc quyển tám).

Về Thập nhị hành pháp luân, có hai cách giải thích:

1. Căn cứ theo bốn đế giáo, nghĩa là ba lần chuyển bốn đế là giáo, Thập nhị tức là năng chuyển.

2. Căn cứ theo mười sáu Hạnh, nghĩa là ba chuyển đều sinh bốn hạnh: Nhãn, trí, minh, giác làm hạnh, mười hai tức là chuyển vậy (theo Văn cú, nói mười sáu hạnh, nghĩa là khổ pháp nhãn là nhãn, khổ pháp trí là trí, tỷ nhẫn là minh, tỷ trí là giác. Còn ba đế kia cũng thế cộng lại thành mười sáu).

Lúc đó ông Kiều-trần-như được Pháp Nhãn Tịnh (tức là Sơ quả, theo phẩm Dược Vương của Diệu Kinh, Diệu Lạc nói rằng: Há vua và phu nhân cùng tám vạn người đều trì kinh này tất phải nghe phẩm ấy thì đều chứng tiểu quả hay sao? Là vì tên đồng nhưng khác nghĩa, cần khéo châm chước. Căn cứ theo đây thì biết tên pháp Nhãn tịnh thì chung cho cả Đại thừa và Tiểu thừa). Thần đất vui mừng hô to: "Hôm nay, ở tại đây Đức Như Lai chuyển diệu pháp luân." Chư Thiên ở trên không trung bèn lần lượt truyền nhau câu nói ấy lên đến cõi trời A-ca-nị-sất (Hán dịch là Sắc cứu cánh thiên). Đức Thế Tôn biết tâm niệm của bốn người kia nên lập lại nhiều lần về bốn đế và họ cũng đều được Pháp nhãn tịnh. Khi ấy cả năm người cùng bạch Phật xin được xuất gia. Đức Thế Tôn gọi năm người: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" thế là râu tóc của cả năm người đều rụng, thân tự mặc áo ca-sa liền thành Sa-môn. Phật lại nói cho họ về năm ấm, vô thường, khổ không, vô ngã. Họ được lậu tận ý giải và thành A-la-hán. Ở thế gian mới bắt đầu có sáu vị A-la-hán, một vị A-la-hán là Phật bảo, bốn đế pháp luân là Pháp bảo, năm vị A-la-hán kia là Tăng bảo. Tam bảo đã đầy đủ, ấy là phước điền của thiên nhân (kinh Nhân Quả).

Năm thứ năm (năm Giáp Thân) có con vị Trưởng giả tên là Da-xá, thông minh lanh lợi. Vào nửa đêm thấy trên không trung có ánh sáng. Mở cửa tìm theo vùng có ánh sáng thì đến vườn Lộc uyển, được

Phật nói cho nghe pháp bốn đế liền thành A-la-hán, xin Phật được xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" thì liền thành Sa-môn. Khi ấy cha của Da-xá đến chỗ Phật tìm con, được nghe Phật nói pháp liền được Pháp nhãn tịnh và thọ Tam tự quy là vị Ưu-bà-tắc đầu tiên. Số bè bạn của Da-xá gồm năm mươi vị Trưởng giả, nghe tin Da-xá xuất gia, cùng đến chỗ Phật và xin xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn. Bấy giờ mới có năm mươi sáu vị A-la-hán. Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy hãy nên đi du phương giáo hóa chúng sinh. Khi ấy các thầy Tỳ-kheo đảnh lễ từ giã Phật. Đức Thế Tôn liền từ Ba-la-nại đến nước Ma-kiệt-đề. Chiều tối nghỉ đêm tại chỗ của Ưu-lầu-tần-loa Ca-diếp. Phật hàng phục được Rồng lửa và truyền cho Tam quy y, bắt nhốt trong bát đưa cho Ca-diếp xem, ông khen việc chưa từng thấy. Phật biết Ca-diếp có căn duyên lần lần thuần thục, liền dắt ông đến bồ sông Ni-liên. Khi ấy có Ma vương đến thỉnh Phật nhập Niết-bàn. Thỉnh đến ba lần Đức Phật mới đáp rằng: "Số người cần được độ chưa độ hết." Ma vương nghe xong liền trở về bản cung. Bấy giờ ông Tần-loa Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử của mình xin được xuất gia. Đức Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn. Phật nói pháp bốn đế lần lần ông mới chứng quả A-la-hán, bèn đem quăng hết đồ thờ lửa xuống dòng sông. Khi đó hai người em của ông là Nan-đề và Già-da ở phía hạ lưu thấy đồ thờ lửa của anh mình theo dòng nước trôi xuống, hết sức kinh ngạc, liền đến tìm anh thì thấy anh đã mặc áo ca-sa. Mỗi em đều cùng với hai trăm năm mươi đệ tử của mình xin Phật xuất gia. Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" Liền thành Sa-môn và được quả A-la-hán. Đức Thế Tôn và Tần-loa Ca-diếp cùng một ngàn vị Tỳ-kheo đang ở thành Vương xá đều đến chỗ vua Tần-bà-ta-la (là cha của vua A-xà-thế). Vua cùng bách quan ra tận ngoài thành đón Phật. Đức Phật sau đó nói pháp cho vua và tám vạn na-do-tha Bà-la-môn, đại thần và nhân dân đều được Pháp nhãn tịnh (theo kinh Nhân Quả).

Trong nước có vị Trưởng giả tên là Ca-lăng đến dâng cúng cho Phật khu vườn Trúc (theo Tây Vức ký thì Linh sơn và vườn Trúc đều ở cách thành Vương xá khoảng năm dặm) có thể dùng làm tinh xá. Nhà vua ra lệnh cho các quan xây dựng giảng đường và nhà ở, rồi đón Phật vào thành rước về ở tại vườn Trúc. Trong số các vua gặp Phật thì Tần-bà-ta-la là người trước nhất. Các Tăng-già-lam ở vườn Trúc là đầu tiên (theo kinh Phổ Diệu, kinh Trung Bản Khởi nói có Trưởng giả Ca-lan-đà trước đây đã dâng cúng cho Tiên Ni-kiền, nay tiếc là không cúng cho Phật. Chúa quỷ biết rõ ý nghĩ liền triệu quỷ Dạ-xoa đến bảo hãy đuổi

Ni-kiền đi, Ni-kiền sợ hãi bỏ chạy. Trưởng giả vui mừng mời Phật về ở).

Năm thứ sáu (Ất Dậu). Phật ở tại núi Tượng đầu nói pháp cho Long vương và Quỷ thần (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ bảy (Bính Tuất), Bà-la-môn Xá-lợi-phất giữa đường gặp Tỳ-kheo Kỳ-bà nói kệ cho nghe liền được Pháp nhãn tịnh. Trở về, ông đọc kệ lại cho bạn thân là Mục-kiền-liên nghe, ông này cũng được Pháp nhãn tịnh. Sau đó mỗi người bèn dắt một trăm đệ tử của mình vào vườn Trúc xin Phật xuất gia. Đức Phật gọi: "Thiện lai, Tỳ-kheo!" thì tất cả râu tóc đều tự rụng và mình mặc áo ca-sa, liền thành Sa-môn. Đức Phật lại rộng nói pháp bốn đế cho hai trăm vị đệ tử này và họ cũng thành A-la-hán. Bấy giờ Đức Thế Tôn bèn cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị đại A-la-hán này ở nước Ma-kiệt-đề làm lợi lạc khắp chúng sinh (theo kinh Nhân Quả). Lúc đó có vị Bà-la-môn tên là Ca-diếp là nhà giàu có bậc nhất đã bỏ nhà vào núi tự cạo bỏ râu tóc. Khi ấy giữa không trung có tiếng chư Thiên bảo: "Ngài nên đến gặp Phật." Ngài Ca-diếp liền đến vườn Trúc, nghe Phật nói pháp liền chứng được quả A-la-hán. Vì ngài có oai đức trí tuệ lớn nên được gọi là Đại Ca-diếp (theo kinh Nhân Quả). Ngài Ca-diếp gặp Phật ở tháp Đa tử cầu xin xuất gia, ngài lấy chiếc áo xấu để cúng Phật làm tòa ngồi giá trị mười vạn lượng vàng, Phật liền trao cho ngài chiếc nạp y Thương-na (theo kinh A-hàm, Thương-na, Hán dịch là Thảo y (áo cỏ), nạp y tức là năm thứ nạp y của Đầu-đà. Nay nói Thương-na tức là lấy cỏ làm áo vậy).

Năm thứ tám (Đinh Hợi) vào mùa Đông năm ấy, Đức Phật ở tại nước Tỳ-xá-ly nhân con của Tu-đề-na đã chánh tín xuất gia, sau trở về quê lại cùng người vợ cũ sống chung. Vị Tỳ-kheo này không còn tịnh hạnh nữa. Các Tỳ-kheo bèn nêu tội bạch lên Phật, Phật liền họpchúng quở trách rằng: "Việc làm của ông không hợp oai nghi, trái tịnh hạnh, không phải việc đáng làm." Đây là lần đầu tiên chế ra giới dâm, mới phạm lần đầu chưa kết tội (theo Tăng-kỳ Luật).

Năm thứ chín (Mậu Tý), ở nước Xá-vệ có vua Ba-tư-nặc (Hán dịch là Hòa Duyệt), có quan đại thần là Tu-đạt nhà rất giàu có, ưa cứu giúp những kẻ nghèo đói già cả côi cút, nhân đó có tên là Cấp Cô Độc. Có lần đến thành La-duyệt (tức thành Vương xá) gặp Thế Tôn được nghe ngài pháp Bốnđế mà chứng quả Tu-đà-hoàn. Nhân đó xin Như Lai đến giáo hóa nước Xá-vệ Thế Tôn bảo nơi ấy không có tinh xá. Ngài Tu-đạt thưa rằng khi về nước sẽ tạo lập. Phật bèn sai Xá-lợi-phất cùng đi xem đất đai, thì thấy chỉ có đất vườn của Thái tử Kỳ-đà (Kỳ-đà, Hán

dịch là Chiến Thắng vì khi Thái tử sinh ra thì vua cha chiến thắng nên đặt tên ấy) là được chỗ mà thôi. Ông Tu-đạt bảo Thái tử là muốn mua lại khu đất ấy. Thái tử nói: "Nếu ông đem vàng ròng lót kín hết thì ta sẽ giao cho." Ông Tu-đạt bèn sai người dùng voi chở vàng đến, không bao lâu cả tám mươi khoảng đất gần đầy. Kỳ-đà nghĩ rằng: "Chắc Đức Phật có oai đức lớn lắm nên khiến người này đã coi nhẹ vàng đến thế." Bèn bảo thôi đừng lót vàng nữa, đất vườn này của ông còn cây cối của ta. Rồi tự xây nhà cửa và cùng tạo lập tinh xá, làm hang đá cho Phật và một ngàn hai trăm năm mươi phòng riêng.

Khi đó vua Tịnh Phạn sai sứ đến thành Vương xá thỉnh Phật và Tăng. Đức Thế Tôn phóng ánh sáng làm rúng động đất đai truyền đến nước Xá-vệ, ai nấy đều thấy rõ giấu đạo thiêng. Vì hai người cùng lập tinh xá nên gọi là vườn Kỳ-đà Cấp cô độc (kinh Hiền Ngu).

Vào mùa Đông năm ấy phật ở thành La-duyệt, nhân Đàn-ni-ca ở nơi vắng vẻ ngồi thiền trong am cỏ, bị người dở mất bèn cất lên nhà ngói. Phật bảo phá bỏ sau đó ông ta dối trá rằng: Vua cho lấy gỗ tốt bị vua quan nhân dân quở trách không cho vào thôn nên không còn chỗ ở nữa. Các Tỳ-kheo bèn nêu lỗi trình Phật, mới bắt đầu chế ra giới trộm. Khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly đã nói cho các Tỳ-kheo về quán bất tịnh. Khi đã quen với định này rồi thì chán sợ thân mạng, khen ngợi sự chết khuyến khích nên chết, Tỳ-kheo Nan-đề nhận giết mướn người Phật bèn chế ra giới sát.

Lúc bấy giờ, nhân lúc thóc mắc mỏ nên việc khất thực khó khăn. Có người đang sống bình thường bên bờ sông Bà-cầu bỗng khoe là có được phép của bậc Thượng nhân. Hàng Cư sĩ tín tâm bớt phần cúng thí. Sau đến chỗ Phật hỏi rõ nguyên do, Phật bèn quở trách và chế giới vọng ngữ. Từ đây trở đi tùy việc vi phạm mà chế ra giới cấm (Tăng-kỳ luật).

Khi đó vua cha nghe tin con đã thành đạo từ sáu năm nay, bèn sai Phạm chí Ưu-đà-da đến bạch Phật rằng từ ngày cách biệt đến nay đã mười hai năm (từ xuất gia đến thành đạo là sáu năm, từ thành đạo đến nay là sáu năm, cộng là mười hai năm) nay mong được gặp Phật một phen. Ưu-đà-da vâng lệnh vua đến chỗ Phật cầu xin xuất gia liền được chứng A-la-hán. Phật nghĩ rằng nay nên trở về nước để độ cha mẹ. Bèn sai Ưu-đà-da về nước trước và hóa mười tám phép thần biến, vua càng thương mừng. Liền ra lệnh cho quần thần và muôn dân ra tận ngoài thành bốn mươi dặm để chào đón Phật. Phật với thân trượng sáu tướng hào quang minh, thân ánh sáng vàng rực rỡ như vầng trăng

giữa muôn sao. Thấy các Phạm chí ở tu lâu trong núi thân thể đen đúa hôi hám đứng hầu bên Phật khác nào đám quạ đen đậu bên núi vàng. Vua cha bèn ra lệnh chọn năm trăm người hào tộc trong nước cho làm Sa-môn để đứng hầu hai bên Phật, khi ấy như Phụng hoàng ở bên núi Tu-di (theo kinh Phổ Diệu). Bấy giờ Đức Phật vào cung ngồi trên điện. Vua và thần dân ngày ngày dâng cúng trăm thức ngon. Đức Phật nói kinh pháp độ vô lượng người. Gia-du phu nhân dắt con là La-hầu-la đến thăm hỏi Phật (lúc đó sáu tuổi). Bấy giờ các quan đều nghi ngờ bởi Thái tử bỏ nước ra đi đã mười hai năm, do đâu sinh con. Phật bảo các quan rằng: Gia-du thủ tiết trong trắng nay hãy xem bằng chứng. Do đó Đức Thế Tôn biến hóa chúng Tăng đều giống y như Phật. Gia-du bèn cởi vòng đeo tay làm tin trao cho La-hầu bảo rằng: "Hãy đưa vòng này cho vị nào là cha của con." Ngay lúc đó La-hầu liền đem vòng đến đúng Đức Thế Tôn. Vua và quần thần đều khen: "Quý thay, thật con Phật!" (kinh Phổ Diệu).

Lúc đó cả bọn tám người dòng họ Thích như A-na-luật, Điều-đạt, Nan-đà, Bạt-đề, Nan-đề... đến ngày xuất gia bèn cởi áo quý giao hết cho Ưu-ba-ly rồi bảo: Ngươi sống nhờ bọn ta vậy hãy lấy các áo quý này để sinh nhai. Ưu-ba-ly cũng nguyện xuất gia, bèn treo hết các áo dưới cành cây rồi cùng đến chỗ Phật. Lúc đó ngài A-na-luật xin Phật độ trước Ưu-ba-ly để diệt thói kiêu mạn (theo luật Đàm-vô-đức). Bấy giờ Nan-đà lần lượt lạy chư Tăng khi đến trước Ưu-ba-ly thì nghĩ là không đáng lạy. Phật bảo: Chỉ trọng việc thọ giới trước sau chứ không phải do sang hèn (theo Đại Trang Nghiêm Luận, Nan-đề là con vua nên sang, còn Ưu-ba-ly là tôi tớ nên hèn). Phật bảo Đề-bà-đạt-đa (tức Điều-đạt) rằng: "Ông nên ở tại gia lo việc bố thí không nên xuất gia." Bảo thế ba lần. Đề-bà-đạt-đa liền sinh ác ý nghĩ rằng: Ông Sa-môn này có tâm đố kỵ, vậy ta phải tự cạo đầu khéo tu phạm hạnh." Về sau ông ta phạm tội ngũ nghịch, bị luồng gió ánh sáng thổi vào thân, Đề-bà liền hối tiếc niệm: "Nam-mô Phật", nhưng vừa nói "Nam-mô" thì liền rơi vào địa ngục. Đức Phật bảo A-nan rằng: Đề-bà ở trong địa ngục trải một đại kiếp sau đó chết rồi sinh làm BốnThiên vương, dần dà sinh lên Tha hóa tự tại, thân sau cùng sẽ thành Bích-chi-phật tên là Nam-mô (theo Tăng Nhất A-hàm, đây là nói Đề-bà-đạt-đa khi mới xuất gia. Từ khi phạm tội ngũ nghịch thì là chuyện sau. Các việc nói đây đều là ý kinh Tiểu thừa. Còn như trong kinh Pháp Hoa Phật nói: Nhờ Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức nên nay ta sớm thành đạo Bồ-đề và thọ ký cho ông ấy làm Phật Thiên Vương. Đây là Đại thừa mở tích hiển Bản vậy).

Chính năm này Phật nói kinh Ương-quật-ma-la (Diệu Huyền bảo rằng sau khi thành đạo sáu năm mới nói).

Năm thứ mười (Kỷ Sửu), Phật ở nước Câu-da-ni vì nhóm tám người Bồ-tát Bà-đà-hòa mà nói kinh Ban-chu, chỉ rõ việc khổ hạnh (kinh Thập Nhị Du).

Năm thứ mười một (Canh Dần), năm này A-nan lên tám tuổi được bạch ba Yết-ma thọ giới Cụ túc (ba Yết-ma chung với Yết-ma-đơn bạch trước nên gọi là bốn. Yết-ma dịch là Nghiệp, nghĩa là tạo ra thiện nghiệp). Ngài lại độ cho một trăm mười vị A-la-hán thọ ba ngữ giới. Đây là lần đầu tiên dùng dao báu để cạo râu tóc. Phật lại dặn dò nhóm Kiều-trần-như... truyền giới cho các Sa-di khắp ba châu thiên hạ (theo tăng-kỳ Luật). Năm này Phật ở tại núi Liễu nói pháp cho Vương đệ là Thuần Chân-đà-la (kinh Thập Nhị Du).